

Stephen O'Harrow

University of Hawai'i at Manoa

BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

平 吳 大 誥

VIẾT NĂM 1428

BỞI NGUYỄN TRÃI:

SỰ PHÁT TRIỂN

MỘT CĂN CƯỚC

DÂN TỘC VIỆT NAM

Ngô Bắc dịch

Để người đọc tiện tham khảo, người dịch Ngô Bắc có bổ sung phần Phụ Lục gồm:

1. Nguyên bản *Bình Ngô Đại Cáo* bằng tiếng Hán có kèm theo phiên âm Hán Việt;
- 2.. Bản dịch đầu tiên sang quốc ngữ của Trần Trọng Kim.



Chân dung Nguyễn Trãi

Câu hỏi về một căn cước dân tộc cho Việt Nam đã quấy rầy các nhà sử học từ lâu, cả Việt Nam và nước ngoài. Một số người nhìn Việt Nam trong suốt lịch sử tiền hiện đại như một phần đất phụ thuộc nhỏ của Đế quốc Trung Hoa, một nước mà nền văn hóa và các định chế chịu ảnh hưởng hoàn toàn bởi truyền thống Trung Hoa đến nỗi họ lảng tránh sự xem xét kỹ lưỡng cá nhân có ý nghĩa. Một số ít áp dụng các công cụ của Trung Hoa học (Sinology) theo một cách như thể để đi đến các kết luận theo đó, trong khi tự thuyết phục mình, không thể thoát khỏi các giới hạn của phương pháp luận của họ.¹ Những người khác, bao gồm phần lớn các học giả từ chính Việt Nam, khước từ quan điểm kể trên và liên tục tìm kiếm bằng chứng để chứng minh tính độc đáo của kinh nghiệm Việt Nam. Có một chút giá trị trong các giả định *tiên nghiệm: a priori* của cả hai trường phái, nhưng điều này không làm mất hiệu lực câu hỏi. Sẽ là một sự quan tâm đặc biệt để hay biết không chỉ đơn giản là liệu có tồn tại một số khác biệt đáng kể giữa các Việt Nam và Trung Hoa tại các điểm khác nhau trong suốt lịch sử nhưng liệu những khác biệt về các định chế này có một sự liên quan đáng kể đến một cảm giác của chủ nghĩa dân tộc và liệu những khác biệt đó có phát sinh ít nhất một phần từ một ý niệm bản thân về phía các nhà tư tưởng Việt Nam, một ý niệm được duy trì và theo đuổi một cách chủ ý. Bản văn *Bình Ngô Đại Cáo* cung cấp cho chúng ta một số manh mối hấp dẫn. Nó cũng là một tài liệu tường thuật có giá trị văn học lớn và là chủ đề của sự hàm ý liên tục, bối cảnh trong đó có thể mang lại sự chiếu sáng cho sự quan tâm lịch sử thuần túy.

Được viết vào mùa xuân năm 1428, *Bình Ngô Đại Cáo* tuyên bố sự chiến thắng của quân đội Việt Nam của Lê Lợi (黎利 1385-1433) đối với lực lượng triều đại nhà Minh (明) đã chiếm Việt Nam từ năm 1407 trong nỗ lực tái sáp nhập Việt Nam vào mẫu quốc Trung Hoa. Văn bản bằng tiếng Hán cổ điển, mặc dù được viết ở ngôi thứ nhất như thể được trước tác bởi Lê Lợi, thực sự được biên soạn bởi thư ký trưởng và cố vấn của ông, Nguyễn Trãi (阮 薦 1380-1442), người không chỉ đóng vai trò quyết định trong cuộc chiến giành độc lập, mà còn, trong thời đại của ông, là nhà trí thức hàng đầu ở Việt Nam và nhà văn tài năng nhất của đất nước.

Trong bài viết này một cuộc thảo luận mới được trình bày về bối cảnh của lời tuyên cáo và về cách Nguyễn Trãi giải quyết câu hỏi về một căn cước dân tộc riêng biệt cho Việt Nam. Các yếu tố quan trọng trong khung cảnh lịch sử phải được nêu ra và những ảnh hưởng đặc biệt trong cuộc sống của Nguyễn Trãi phải được truy tìm để giúp giải thích cho quan điểm của ông.

Một số vấn đề nhất định đối mặt với Lê Lợi giúp xác định khối khán thính giả khả dĩ của bản tuyên cáo. Làm rõ một số đoạn trong văn bản của tài liệu, kể cả việc giải mã chính xác tiêu đề, sẽ cho phép sửa chữa các lỗi lầm trong sự giải thích bởi nhiều học giả trước đây. Nó cũng hữu ích để đề xuất một số cách mà *Bình Ngô Đại Cáo* khác biệt với các tác phẩm trước đây của Việt Nam, đặc biệt là những bài viết để đối phó với sự xâm nhập của nước ngoài, vì nó vẫn được tôn kính lớn lao trong thời hiện đại.

Việt Nam thường được cho là một phần kết hợp và phụ thuộc của Trung Hoa từ 111 Trước Công Nguyên (TCN) đến năm 939 Sau Công Nguyên (SCN), mặc dù người Trung Hoa vẫn coi Việt Nam là một nước triều cống và tiếp tục thể thức tấn phong các nhà cai trị Việt Nam cho đến khi có sự chiếm đóng của người Pháp trong thế kỷ XIX. Sự thừa nhận của Trung Hoa đối với Việt Nam như một nước chư hầu kể từ khi nhà Tống (Sung) không ngăn cản một số nỗ lực từ phía họ để xâm chiếm đất nước và khuất phục cư dân của nó. Tuy nhiên, từng trường hợp trong hơn bốn trăm năm trôi qua giữa cuộc nổi dậy hồi thế kỷ thứ mười của Ngô Quyền (吳 權) và sự chiếm đóng của nhà Minh, chúng đều bị đẩy lùi. Tác giả Woodside, có lẽ phản ánh Yamamoto, cho rằng "sự bắt chước và phụ thuộc của Việt Nam vào Trung Hoa là một đặc điểm lịch sử Việt Nam, nếu có, được củng cố bởi hơn bốn thế kỷ tự do thoát khỏi sự thống trị chính trị của Trung Hoa."² Nhưng một truyền thống của sự kháng cự thành công đối với một thế lực ngoại bang, một khi được thiết lập theo thời gian, cũng tạo ra một ý thức tiệm tiến về sự cá biệt của một dân tộc. Và trong khi người Việt tùy nghi có thể đã lựa chọn để bắt chước hoặc tiếp tục một số định chế Trung Hoa nào đó, sự đồng hóa cưỡng bách bởi người Trung Hoa thường sinh ra phản ứng bạo lực.

Đến cuối giai đoạn đầu tiên của sự độc lập kéo dài và đồng thời với sự trỗi dậy của nhà Minh ở Trung Hoa, tình hình bắt đầu bất ổn. Việt Nam trong những năm suy tàn của triều Trần (陳 1225-1400), bị vây hãm bởi các cuộc xâm lược nhiều lần của xứ Chàm và sự suy thoái kinh tế liên quan, rõ ràng ở trong tình trạng khốn khổ của sự suy giảm.³ Các vụ bán đất cho các lĩnh địa tư nhân rộng lớn và tầm quan trọng ngày càng gia tăng của họ theo sau như là một hậu quả của chế độ nô lệ hóa (enservment) đối với nhiều tiểu điền chủ (freeholder).⁴ Bộ máy của nhà nước và những người vận hành nó bắt đầu mất kiểm soát trên các sự kiện. Các đại điền trang: *latifundia* (tiếng La-tinh trong nguyên bản, chú của Ngô Bắc) rộng lớn đã được tạo lập nằm trong tay của những người không phải là các quan lại cũng như không có quan hệ với hoàng gia và mối đe dọa tiềm tàng này đối với cơ cấu xã hội gây ra một số quan tâm.

Do đó, vào năm 1397, tể tướng của nhà Trần, Lê Quý Lý (黎 季 犛 ?-1407), đã ban hành một lệnh giới hạn quy mô sở hữu đất của những người không thuộc dòng dõi hoàng tộc đến mười *mẫu* [tiếng Việt trong nguyên bản, chú của Ngô Bắc] (khoảng chín mẫu Anh: acres). Liệu sắc lệnh có thể được thực hiện đầy đủ hay không, nó đánh dấu rõ ràng Quý Lý là một kẻ thù của giai cấp địa chủ đang lên. Nhưng sự thù nghịch của Quý Lý với giới thượng lưu truyền thống có lẽ còn sâu sắc hơn. Có quyền lực từ lâu với tư cách một cận thần thân tín [*éminence grise*, tiếng Pháp trong nguyên bản, chú của Ngô Bắc], ông mau chóng chiếm được ngai vàng của Việt Nam và, thay đổi họ của mình, ông đã thành lập triều đại nhà Hồ (胡 1400-1407). Sau đó, ông đã khởi sự nhiều cải cách rất cần thiết. Thật không may, một số bạo lực nhất định, bao gồm cả sự tuyệt chủng đầy nghi vấn của những người thừa kế họ Trần và sự hành quyết đông đảo quan lại, đi kèm với sự lên nắm quyền hành của Quý Lý. Không phải bản chất của các sự cải cách của ông cũng không phải sự loại trừ tàn nhẫn này các đối thủ của ông đã có thể đè nén sự đối lập đang vun đắp chống lại ông ta. Một số cải cách của ông, như mở rộng cơ hội giáo dục, việc sử dụng

chữ nô, ⁵ và nỗ lực tập trung hóa sự quản trị hành chính, rõ ràng làm suy yếu sức mạnh của tầng lớp quý tộc truyền thống và đặc biệt nhất là giới quan lại. Điều đó đã được chứng minh là một sai lầm chủ yếu: xa lánh giới quan lại tại Việt Nam thời tiền hiện đại khiến nó hầu như không thể cai trị. Đây là một mệnh đề có thể áp dụng cho hoàng gia cũng như các nhà cách mạng và bởi chính sự nắm giữ gần như độc quyền mà giới quan lại đã áp dụng trên các phương tiện của truyền thông trí tuệ và do đó khả năng truyền lệnh và giám sát sự chấp hành chúng. Song giống như vua Richard III [của England, lên ngôi năm 1483 và mất năm 1485, chú của Ngô Bắc], người có các mưu mô đẫm máu làm lu mờ ký ức về những thành tựu tích cực sau này của ông ta, ⁶ Quý Lý còn hơn cả một sát thủ và kẻ soán ngôi tinh quái. Và mặc dù họ không phải cùng một đoàn, ông có những người ngưỡng mộ, trong số đó có quan chức trẻ tuổi Nguyễn Trãi và người cha hào hiệp của ông.

Chứng từ của Nguyễn Trãi với tư cách một thành viên của tầng lớp quý tộc thì không thể chối cãi mặc dù khá kỳ dị. Cha của Nguyễn Trãi, Nguyễn Ứng Long (阮應龍), được cho là có nguồn gốc bình dân (plebeian). Là nhà thơ và một loại học giả, ông hân hoan với danh hiệu Bảng Nhãn (榜眼 đỗ thứ nhì trong các kỳ thi đình), mà theo quyền hạn, phải mang lại cho ông một chức vụ chính thức.⁷ Nhưng Nguyễn Ứng Long là một người ưa làm những câu thơ tình và ông ta đã thiếu khôn khéo khi quyến rũ một trong những học trò của mình, Trần Thị Thái (陳氏泰), trưởng nữ của Trần Nguyên Đán (陳元旦 1320-90), một thành viên của hoàng gia. Cô Thái sinh ra một đứa con ngoài giá thú và Nguyễn Ứng Long được triệu tập, sau khi có sự kiện ban phước bởi người được xem là cha vợ, kẻ đã sẵn sàng "cho phép" anh ta kết hôn với cô Thái nếu anh tiếp tục việc học và thành đạt. Vì thế, trái với thông lệ Việt Nam, nhà học giả trẻ đã được đưa vào ở rể tại gia đình của cha vợ, nơi, theo đúng trình tự, có thêm một vài đứa trẻ được sinh ra. Tuy nhiên, sự trâng tráo của một thường dân kết hôn với một người phụ nữ quý tộc, đặc biệt là dưới hoàn cảnh như vậy, đã mang lại cho Nguyễn Ứng Long sự thù hận của triều đình và ông đã bị cấm bước vào quan trường bất chấp các thành tích của mình. Người ta có thể giả định một cách hợp lý rằng sự oán hận của ông về sự bất công này, phản ánh trong thơ ông, được truyền cho con trai cả của mình, Nguyễn Trãi.

Ông Trãi được nuôi dưỡng ở quê nhà của ông ngoại tại Côn Sơn (崑山). Ông ngoại của ông, không kém gì cha mình, là một người đàn ông bất mãn. Từng theo đuổi một sự nghiệp lừng danh tại triều đình và trong các chiến dịch quân sự, Trần Nguyên Đán đã bị phản đối vì sự nổi lên của Quý Ly và đã từ chức năm 1385. Trong những năm cuối cùng của cuộc đời, ông đã chứng kiến sự tan rã liên tục của nhà nước mà các nhà vua khờ khạo cuối thời nhà Trần đã làm ít điều khởi nguồn và hiện tại chính mình lại bất lực để can thiệp. Lòng yêu nước bị cản trở của một nhà quý tộc già, ông ngoại, trộn lẫn với tham vọng bị bóp nghẹt của một học giả chua chát,

người cha, hẳn đã phải được kết hợp ở Nguyễn Trãi hầu tạo ra cả một động lực mãnh liệt để thành công và dồn tâm trí để tra vấn sự việc như chúng đã xảy ra.

Năm 1400, năm lên ngôi của Hồ Quý Lý, Nguyễn Trãi chiếm vị trí đứng đầu tại các kỳ thi đình tại cung điện, lần đầu tiên được tổ chức dưới triều đại mới, và đã được nhận vào giới quan quyền. Đồng thời cha ông, mặc dù trước đó bị tẩy chay bởi nhà Trần, đã được đề cử chức vụ chính thức đầu tiên của mình. Trong khi đó, bất kể thực tế là Việt Nam trong những năm gần đây đã mạnh mẽ hơn trong việc chống lại người Chăm, vấn đề trực trặc kinh tế và vô năng lực về định chế vẫn tồn tại – Quý Lý đã trong thực tế leo lái một cuộc binh biến thành công trên một con tàu bị rò rỉ nặng nề. Trong khi các thành viên của thủy thủ đoàn, như Nguyễn Trãi, sẵn sàng làm việc với vị thuyền trưởng mới tận lực để sửa chữa và canh cải, những kẻ khác ngồi chờ thời của họ khi một cơn bão tập trung ở phương bắc sẽ sớm phá hủy toàn bộ cơ đồ.

Nhà Minh phải mất khoảng ba thập kỷ để củng cố sự cai trị của chính họ tại vùng cực nam Trung Hoa và một khi điều này đã hoàn tất - họ chuyển sự chú ý sang Việt Nam. Bản chất của sự đăng quang của nhà Hồ, sau khi nó trở nên rõ ràng với họ, đã tạo nên một duyên cớ tuyệt hảo để can thiệp trong vai trò của họ là nước bá chủ, bề ngoài để khôi phục lại sự kế ngôi chính đáng tại nước chư hầu của họ. Đó cũng là những gì người ta có thể bị cám dỗ để gọi là một cơ hội "vàng" nhằm kiểm soát và gia tăng trào lượng kim loại quý⁸ và hàng hóa khác từ Việt Nam đến Trung Hoa đến một mức độ không thể khả dĩ dưới chế độ triều cống,⁹ một chính sách nói chung phù hợp với chủ nghĩa trọng thương (commercialism) tích cực hơn thời đầu nhà Minh. Hơn nữa, bất kỳ các sự tranh chấp biên giới nổi bật nào cũng có thể được giải quyết một cách đáng ngưỡng mộ bằng cách đơn giản tái sáp nhập toàn bộ Việt Nam, sự quay về sau hết của một tỉnh miền nam hoang đàng. Cuộc xâm lược diễn ra vào năm 1407. Nhà Minh đã thành công khi nhà Tống (Sung) và nhà Nguyên (Yuan) đã thất bại trước đó và họ đã làm điều đó trong một trình tự khá nhanh. Chúng ta biết rằng họ đã thực hiện một chiến dịch tuyên truyền hiệu quả rằng họ chuẩn bị thay thế kẻ soán ngôi họ Hồ bằng nhà Trần trước đây và chiến dịch này có tác động mong muốn.¹⁰ Có vẻ như giới tinh hoa, văn nhân và các sĩ quan hàng đầu, chỉ đơn giản từ chối chiến đấu để cứu vãn nhà Hồ và rằng các lực lượng quân sự do họ lãnh đạo cuối cùng sụp đổ. Quý Ly giờ đây đã phải trả giá cho việc mất đi sự ủng hộ của thành phần trọng yếu này.

Tuy nhiên, Nguyễn Trãi và cha ông dường như đã tự phân biệt mình với những người đầu tiên chào đón nhà Minh. Từng chiến đấu bên cạnh Quý Ly đến cùng, họ từ chối phục vụ nhà Minh;¹¹ tháp tùng người cha bị bắt và bị lưu đày sang Trung Hoa, Nguyễn Trãi được cho là đã quay trở lại tại biên giới bởi lệnh truyền của cha ông:¹²

我觀天文二十年後西方必有真主興。汝宜決志于此雪國之恥復父之誓正爲大孝。

我觀天文二十年後西方必有眞主興。 汝宜決志于此雪國之恥復父之誓正爲大孝。

Ngã quan thiên văn nhị thập niên hậu, tây phương tất hữu chân chủ hưng, Nhữ nghi quyết chí vu thử tuyết quốc chi sỉ, phục phụ chi thù, chính vi đại hiếu [phiên âm của Ngô Bắc]

Cha quan sát thiên văn, trong vòng hai mươi năm sẽ có chân Chúa xuất hiện ở phía tây. Con hãy kiên quyết lên, theo phù vị Chúa ấy, để rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Đó thực sự là đại hiếu. ¹³

Truyền thuyết nói rằng một khi trở về kinh đô, sự từ chối của Nguyễn Trãi để phục vụ nhà Minh đưa ông vào tù trong nhiều năm, trong thời gian nhà Minh đang củng cố sự kiểm soát của họ đối với Việt Nam. Điều này để lại các câu hỏi vẫn chưa giải đáp được tại sao người Trung Hoa cho phép ông sống sót cách nào đi nữa, hoặc tại sao cuối cùng ông được phóng thích, các câu hỏi có thể không bao giờ nhận được một câu trả lời thỏa đáng.

Một mô tả chi tiết về sự tổ chức việc chiếm đóng của nhà Minh được cung ứng ở nơi khác, ¹⁴ đủ để nói ở đây rằng nó đại diện cho sự cân bằng một sự kết hợp của khai thác kinh tế và đồng hóa văn hóa bắt buộc, được thực hiện, ít nhất là lúc đầu, với một số biện pháp hợp tác từ giới tinh hoa bản địa. Chúng tôi đang nói ở đây về một câu hỏi về mức độ đã có, dù thế, một vài cuộc nổi dậy chống lại người Trung Hoa trong thời kỳ đầu của chính quyền mới, bởi những người tự xưng là những người thừa kế hợp pháp ngôi vua. Điều cần lưu ý trong sự kết nối này là: trước hết, những cuộc nổi dậy này diễn ra sau khi rõ ràng người Trung Hoa trong thực tế không phải sẽ khôi phục nhà Trần; thứ nhì, các cuộc nổi dậy diễn ra dưới danh nghĩa nhà Trần vì những người tổ chức các cuộc nổi dậy ít quan tâm đến việc khôi phục nhà Hồ; thứ ba, trong khi vẫn còn sớm để nói thẳng rằng tại sao các cuộc nổi dậy không thành công, bằng chứng sẵn có sẽ khiến chúng ta tin rằng, trong số các yếu tố khác, chúng không có thể đạt được sự hợp tác của các thành phần đủ lớn của giới văn nhân trí thức kết hợp với các tầng lớp trong xã hội có thể cung cấp nhân số cho một hoạt động quân sự, giới nông dân, và giai cấp địa chủ liên kết chặt chẽ. (Nhóm sau này không phải lúc nào cũng dễ dàng phân biệt với những người có thể được gọi là “các thân hào, nhân sĩ: notables” địa phương, đặc biệt là ở các huyện xa xôi.)

Một thành viên của tầng lớp địa chủ đã tham gia cuộc kháng chiến trước đó chống nhà Minh nhất định sẽ đóng một vai trò lớn hơn nhiều. Ông ấy tên là Lê Lợi và, nếu có có khuynh hướng tin vào những điều như thế, đó chính là người mà cha của Nguyễn Trãi ám chỉ khi ông nói về “vị chân chúa sẽ trời dậy ở phía Tây”. Câu chuyện về cuộc sống ban đầu của Lê Lợi được bao quanh bởi bộ phận huyền thoại đáng kể dường như luôn luôn gắn bó với các anh hùng dân tộc

trong thời cổ đại, đặc biệt là những người đến từ một tầng lớp trong xã hội thường không phải là chủ đề được ghi chép trong lịch sử. Chúng ta biết rằng Lê Lợi thuộc thế hệ thứ ba của một gia tộc điền chủ mạnh thế và nổi bật ở Thanh-Hóa (清化), một khu vực chủ yếu cư ngụ bởi các dân thiểu số phi Việt Nam [không có gốc dân tộc Việt, chú của Ngô Bắc]; ông giống như một số *nông dân; hacienacado* [tiếng Tây Ban Nha trong nguyên bản, chú của Ngô Bắc] của xứ Tây Ban Nha mới (New Spain) trong vùng lạc hậu biệt lập của mình, một "*người giàu có và uy lực: hombre rico y poderoso*" được bao quanh bởi sắc dân Da Đỏ (Indians, chú của Ngô Bắc). Ông được đi học hay biết chữ trong những năm còn trẻ đến trình độ nào còn lại nghi vấn – một số học giả thậm chí nghi ngờ tính xác thực của một ít thơ văn được gán cho ông ta ở thời sau này trong cuộc đời.¹⁵ Tuy nhiên, với hoàn cảnh xã hội và địa lý khi sinh ra, công tâm mà giả định, mặc dù chỉ có một học vấn tối thiểu, ông đã quen thuộc với nghệ thuật quân sự và có khả năng thành thạo trong việc cưỡi ngựa [*manège*, tiếng Pháp trong nguyên bản, chú của Ngô Bắc]. Điều này nhận được một số xác nhận bởi các nguồn tài liệu của Trung Hoa về thời kỳ này nói rằng trong cuộc nổi dậy của Trần Quý Khoách ((陳季擴, khoảng năm 1409-14), Lê Lợi giữ vị trí Kim Ngô Tướng Quân (金吾將軍) và rằng, sau khi đầu hàng, ông đã được chính quyền nhà Minh xác nhận lại ở chức vụ Phụ-đạo (輔導) của Khả Lam (可藍).¹⁶ Vì các lý do không hoàn toàn rõ ràng, có thể là tình yêu tự do và đất nước hoặc không hài lòng về kết quả của một cuộc tranh giành địa phương và tranh chấp đất đai, Lê Lợi đã lập lên một đội quân nổi dậy một lần nữa vào năm 1418.¹⁷ Kết quả cuối cùng của cuộc nổi loạn này là sự trục xuất người Trung Hoa sau mười năm chiến tranh và sự thành lập một triều đại Việt Nam độc lập mới.

Một vấn đề khiến Lê Lợi lo lắng trong suốt chiến dịch lâu dài chống lại nhà Minh là cần phải thu hút và duy trì lòng trung thành của các phụ tá có khả năng. Điều này câu hỏi được nói đến trong *Bình Ngô Đại Cáo*:

奈以：人才秋葉，俊傑晨星

Nại dĩ: nhân tài thu diệp, tuấn kiệt thần tinh

Bên tôi, than ôi, nhân tài hiếm như lá mùa thu, như sao buổi sớm.

Người có khả năng nhất trong số những người sau này đến phục vụ ông là Nguyễn Trãi. Các công việc được làm cho chính nghĩa bởi Nguyễn Trãi rất nhiều và đa dạng; vai trò của ông ấy như một nhà tuyên truyền cần đến sự chú ý của chúng ta. Và trong khi câu hỏi có thể được tra vấn liệu trong trường hợp trí tuệ của Nguyễn Trãi có kiểm soát các hành động của Lê Lợi hay không, hay liệu cây bút có thống trị thanh kiếm hay không, mối quan tâm của chúng ta ở đây là Lê Lợi đã sử dụng Nguyễn Trãi như thế nào..

Như chúng ta đã lưu ý ở trên, không có một số biện pháp hợp tác từ giới tinh hoa học thức ở Việt Nam thời tiền hiện đại, rất khó để thiết lập hoặc duy trì một cấu trúc hành chính đúng chức năng. Trường hợp này đúng như thế, nó phải được chứng minh là cần thiết tạo ra cho Lê Lợi hào quang của một con người vĩ đại, có sinh mệnh cai trị và xứng đáng với lòng trung thành. Hơn mọi điều như thế bởi Lê Lợi thuộc về một tầng lớp xã hội mà thông thường sẽ ngăn cản ông ta đạt được sự hợp tác như vậy. Xuyên suốt phân nửa sau của chiến dịch quân sự, từ bằng chứng cung ứng, Nguyễn Trãi đã thảo ra các mệnh lệnh và tuyên cáo, rất nhiều công văn và thư từ, được ký tên như thể được viết bởi Lê Lợi, những tài liệu đáng chú ý vì sự sắc bén, sự châm biếm và sự linh hoạt hiển nhiên sâu xa học thức cổ điển mà chúng phơi bày. Tuy nhiên, trong khi chúng chắc chắn đã nâng cao uy tín của Lê Lợi trong mắt những người đọc chúng, những tác phẩm này có lẽ không được cung ứng tức thời cho sự phổ biến rộng rãi.¹⁸ Sau khi chiến thắng quân sự đã được đạt được, vẫn còn Nguyễn Trãi để viết một lời tuyên bố chiến thắng dưới danh nghĩa của nhà cầm quyền mới, sẽ đặt ông ấy trong số những người bất tử, thích hợp để cai trị và đáng được sự tôn trọng không chỉ của quân đội và các nông dân, các người thân cận và họ hàng của ông ta, mà còn của các quan lại do dự cho đến nay. Chính trong bản *Bình Ngô Đại Cáo*, tuyên bố chiến thắng này, Nguyễn Trãi kêu gọi một ý thức về căn cước dân tộc Việt Nam, tiết lộ một số thành tố thú vị của những gì rõ ràng hợp thành quan điểm của giới trí thức Việt Nam thế kỷ thứ mười lăm nhìn về chính bản thân họ.¹⁹

Tiêu đề của *Bình Ngô Đại Cáo* là một câu đố. Nó có nghĩa đen là "Bổ Cáo Quảng Đại Về Việc Đốn Hạ Nhà Ngô Xuống: Great Proclamation upon Laying Low²⁰ the Ngo", và cách sử dụng từ ngữ "Ngô", tạo ra vấn đề. Không may, các nhà sử học đã không nhận ra sự hiện hữu của bất kỳ vấn đề nào ở đây, tự hài lòng với một cước chú đơn giản, ví dụ, như của Ứng Quả, "Appellation donnée aux Chinois en général et désignant ici les Minh [tiếng Pháp trong nguyên bản, chú của Ngô Bắc]: Tên gọi người Trung Hoa nói chung và ở đây để chỉ nhà Minh"²¹ hoặc của tác giả T[rương] B[ửu] Lâm, là "một tên chung chỉ người Trung Hoa".²² Kiểu giải thích qua loa này chỉ có thể hợp lý nếu trong thực tế từ ngữ "Ngô" được sử dụng liên tục hoặc tương đối thường xuyên trong thời kỳ trước thế kỷ mười lăm như một danh xưng chỉ người Trung Hoa. Nhưng dường như không phải là trường hợp như thế. Thật vậy, cách thức tiếng Việt chính thức là sử dụng niên hiệu của triều đại Trung Hoa trị vì cho sự tham khảo cụ thể. Người ta cũng tìm thấy sự sử dụng thường xuyên từ ngữ "北 : Bắc" (bắc, miền bắc, v.v.) và đôi khi 中國 : Trung Quốc, / 中州 : Trung Châu (nước ở giữa trung, miền ở giữa).²³ Khi từ "Ngô" được tìm thấy trong cách phát biểu hiện đại có nghĩa là "Trung Hoa", nó mang các ẩn ý hạ thấp phẩm giá – cách nói chê bai này có thể được truy tìm trở lại ít nhất là thế kỷ thứ mười bảy khi DeRhodes²⁴ liệt kê nó với cùng một ý nghĩa. Nhưng sự xuất hiện của nó trong tiêu đề của một lời tuyên bố từ thế kỷ mười

lăm từ ngai vàng, một lời tuyên bố vào dịp thành lập của một triều đại, đủ đặc biệt để đảm bảo sự điều tra thêm.

Có thể có hai nguồn gốc khả hữu cho từ này trong cách sử dụng tiếng Hán-Việt. Suốt trong phần lớn của thế kỷ thứ ba, sau khi có sự tiêu tan của nhà Hán (漢), một thời thường được gọi là thời kỳ Tam Quốc trong lịch sử Trung Hoa, Việt Nam bị lệ thuộc triều đại nhà Wu (nghĩa là Ngô). Thời kỳ bá quyền của nhà Wu: Ngô tương đối ngắn và được theo sau bởi một loạt các chúa tể khác của Trung Hoa, một số chỉ trên danh nghĩa, một số mạnh mẽ hơn, tách biệt theo thời gian bằng những cuộc nổi loạn ngắn ngủi. Nhưng nhà Ngô: Wu không bao giờ có toàn quyền lực ngay cả ở Trung Hoa, như người Việt thời đó nhận ra, và từ ngữ "Wu: Ngô" dường như không được áp dụng chính thức chỉ nước Trung Hoa hay người Trung Hoa nói chung cùng thời, khoan nói đến trong các thế kỷ tiếp theo. Khi đó, điều gì có thể giải thích việc sử dụng của Nguyễn Trãi khoảng 1.200 năm sau? Một câu trả lời có thể có thể được tìm thấy trong lịch sử trước đó của Trung Hoa, trong sự cạnh tranh nổi tiếng của các nước Wu (hay Ngô 吳) Yueh (Việt 越) trong thời Chiến Quốc (Warring States).

Sự mô tả của Tư Mã Thiên (Ssu-ma Ch'ien (司馬遷)²⁵ về nước Việt phác thảo các thời kỳ xen kẽ hùng mạnh và suy yếu giữa đầu thế kỷ thứ năm và giữa thế kỷ thứ tư Trước Công Nguyên (TCN). Ở đỉnh cao của sức mạnh của nó, nước Việt được lãnh đạo bởi vua Câu Tiễn (Kou Chien: 勾踐). Trong một cuộc chiến tranh chống lại nhà Ngô, nước trước đây đã làm nhục ông ta, ông ta đã chiến thắng. Câu chuyện về Câu Tiễn kể từ đó tượng trưng cho chiến thắng được mưu đồ một cách cẩn thận để trả thù chính đáng. Như chúng ta sẽ thấy, đây là thiên anh hùng ca mà Nguyễn Trãi chắc hẳn tham chiếu đến và làm cơ sở cho một sự ám chỉ văn học và tâm lý chính trị bao quát.

Nhiều văn bản tường thuật khác nhau sau này về lịch sử của nước Ngô (Wu) và Việt (Yueh) chủ yếu dựa trên quyển *Ngô Việt Xuân Thu* (Wu Yueh Ch'un Ch'iu (吳越春秋), một tác phẩm thời [Đông] Hán là Triệu Việp [hay Diệp [?], chú của Ngô Bắc]: Chao Yeh: 趙曄), cả tác phẩm này lẫn quyển *Sử Ký: Shih Chi* (史記) của Tư Mã Thiên (Ssu-ma Ch'ien) có lẽ được biết đến với Nguyễn Trãi, một kẻ lịch lãm học rộng theo nghĩa truyền thống Trung Hoa. Câu chuyện về nước Ngô (Wu) và nước Việt (Yueh) cũng là chủ đề của một số truyền thuyết bình dân, vì vậy các sự ám chỉ đến nó trong một tài liệu công khai như *Bình Ngô Đại Cáo* sẽ không phải là sự câu nệ chi tiết vô dụng. Nhân tiện, không nên bỏ qua sự kiện rằng Chu Nguyên Chương (Chu Yuan-chang 朱元璋), người sáng lập triều đại nhà Minh xâm lược, ban đầu tự phong mình là "Ngô Quốc Công: Wu Kuo Kung (吳國公)" và năm 1364 xưng là "Vua nước Ngô: Ngô Vương

(吳王)". Sự kiện này, đến tầm mức mà nó được biết đến ở nước ngoài, chỉ làm mạnh hơn sự nhận dạng nước Ngô với nhà Minh vẫn tiếp tục.

Trong văn bản tuyên cáo, Nguyễn Trãi ngâm ví những thử thách của Lê Lợi nơi hoang dã với những cam khổ của Câu Tiễn.²⁶

Thống tâm tật thủ giả, thù thập dư niên;
痛心疾首者, 垂十餘年
Thường đảm ngọa tân giả, cái phi nhất nhật
嘗膽臥薪者, 盖非一日

[Bản dịch của Trần Trọng Kim, chú của Ngô Bắc]

*Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa;
nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.*

[Tác giả Stephen O'Harrow đã dịch sát nghĩa như sau, chú của Ngô Bắc:]
*Với trái tim đau đớn và tâm trí lo lắng trong hơn mười năm hoạt động,
Tôi nếm mật và ngủ trên những cành gai và không một ngày tìm kiếm nơi nương náu..*

Trong khi chủ đề về vị hoàng đế tương lai trải qua khó khăn trong cuộc sống hoang dã để chiến đấu chống quân "Ngô" gợi nhớ đến Câu Tiễn (Kou Chien), đặc biệt với nhóm từ 嘗膽臥薪; *thường đảm ngọa tân*, Nguyễn Trãi làm rõ ràng gấp đôi trong một tác phẩm khác, *Chi Linh Sơn Phú* (至靈山賦), rằng ông thấy sự gian truân của Lê Lợi tương đương với hành trình khổ nhọc của vua nước Việt (Yueh):

Đương thử chi thời khởi bất tự hồ Câu Tiễn chi khốn Ngô vương ư Cô Tô đài giả da?
堂此之時豈不似乎勾踐之困吳王於姑蘇臺者耶?
[câu trích trong nguyên bản của tác giả Stephen O' Harrow thiếu từ *khởi* 豈, và từ *hồ* 乎 và đặt từ *chi* 之 trước từ *ư* 於 thay vì trước từ *khốn* 困, chú của Ngô Bắc]

Dịch nghĩa: [theo bản dịch của nhóm Đào Duy Anh, chú của Ngô Bắc]
Lúc bấy giờ há lại chẳng giống Câu Tiễn vây Ngô Vương ở đài Cô Tô hay sao?

Hay câu:

豈不似乎會稽之棲越王者耶

Khởi bất tự hồ Cối Kê chi thê Việt Vương giả da

[câu trích trong nguyên bản của tác giả Stephen O'Harrow thiếu mất từ 乎 , chú của Ngô Bắc]

Dịch nghĩa [theo bản dịch của nhóm Đào Duy Anh, chú của Ngô Bắc]

[Tường núi này lúc bấy giờ] chừ há chẳng giống núi Cối Kê dung Việt Vương hay sao?

Tất cả điều này đi qua một chặng đường dài hướng tới việc giải thích sự hiện diện của từ ngữ "Ngô" trong tiêu đề của bản tuyên cáo, nhưng câu chuyện vẫn chưa hoàn thành. Kẻ thù truyền thống của nhà Ngô: Wu là Yueh: Việt và, như được biết đến rộng rãi, chính là từ từ ngữ kể sau [Yueh, chú của Ngô Bắc], được phát âm là "Việt" trong tiếng Việt hiện đại, từ đó phát sinh ra danh xưng của người Việt Nam.²⁷

Năm 1923, Arousseau đưa ra bằng chứng cho dòng dõi trực tiếp của người Việt hiện đại từ các dân tộc miền nam Trung Hoa gọi là Yueh,²⁸ những người có nguồn gốc chủng tộc vẫn chưa rõ ràng.²⁹ Một số học giả sau này có xu hướng bác bỏ luận giải của Arousseau³⁰ nhưng, trong khi nó hẳn không cung cấp cho chúng ta một bức tranh hoàn chỉnh hay chính xác, tuy thế, chắc chắn rằng các nguồn tài liệu truyền thống của Việt Nam chấp nhận tộc Yueh: Việt nằm trong số tổ tiên của họ. Và thực tế sau này không thôi thì cần thiết và đủ cho Nguyễn Trãi hoàn tất sự phác họa nét tương đồng của ông. Lê Lợi, trong một số phương diện, trở thành người thừa nhiệm trực tiếp của Câu Tiễn và kẻ thù của Lê Lợi, nhà Minh, không hơn gì nhà Ngô. Hai quốc gia riêng biệt có tư thế và tuổi tác ngang nhau, và trận chiến được quyết định nghiêng về những người xứng đáng hơn.

Không có gì dễ nghi ngờ rằng hình ảnh mà Nguyễn Trãi phác họa cho Lê Lợi nào có kém kích thước đế quốc, ngang tầm với các Hoàng đế Trung Hoa vĩ đại nhất, ông ghi thêm trong *Chi Linh Sơn Phú*:

想 此 山 於 此 時, 豈 不 似 乎 漢 皇 之 在 芒 碭 者 耶

Tưởng thử sơn ư thử thời hê, khởi bất tự hồ Hán hoàng chi tại Mang Đãng giả da

Nghĩ về ngọn núi đó lúc đó, nó có bất kỳ khác biệt như thế nào từ thời Hoàng Đế nhà Hán ở Mang Đãng?

Tường núi này lúc bấy giờ chừ khác nào núi Mang Đãng của vua Hán.

[theo bản dịch của nhóm Đào Duy Anh, chú của Ngô Bắc]

雖 然 漢 高 祖 之 規 模 宏 遠, 正 似 吾 皇 今 日 之 盛 ?

Tuy nhiên Hán Cao tổ chi quy mô hoàng viễn, chính tự ngô hoàng kim nhật chi thịnh ?

[Câu trích của Stephen O' Harrow không có từ tổ 祖, chú của Ngô Bắc]

Dù khuôn mẫu mà Hán Cao [tổ] rộng lớn đến đâu, chẳng phải [quy mô] của Hoàng đế chúng ta ngày nay lại không tương tự hay sao?

Tuy nhiên quy mô to lớn của Hán Cao cũng giống như đức thịnh của vua ta ngày nay,
[theo bản dịch của nhóm Đào Duy Anh, chú của Ngô Bắc]

Gần như có gợi ý về sự tái sinh của Lê Lợi trong những dòng chữ này. Nhưng trong thực chất, Nguyễn Trãi vẽ một Lê Lợi là người mà không quan lại chính trực nào cảm thấy xấu hổ để phò tá, kẻ có các sự ủy nhiệm vượt quá sự trách móc, và là kẻ hiện thân cho một khái niệm cổ điển, đường nét rất cổ xưa đóng dấu ấn của sự kính trọng trong Khổng học. Chúng ta có thể suy diễn từ điều này rằng Nguyễn Trãi nhận thấy một khao khát của dân tộc về một anh hùng đích thực mang tầm vóc sử thi và rằng bằng cách tạo ra một nhân vật văn học tương xứng với con người bằng xương bằng thịt, ông nghĩ rằng sẽ có thể, trong một nét vẽ, cung cấp không chỉ một người thống nhất (unifier) các miền khác nhau của đất nước,³¹ hoặc các tầng lớp xã hội khác nhau, mà cũng là một người sẽ thống nhất tốt nhất quá khứ với hiện tại, do đó cung cấp một cảm giác rất cần thiết về tính liên tục lịch sử đạo đức.

Bây giờ chuyển sang phần thân của văn bản, trong dòng mở đầu của *Bình Ngô Đại Cáo* chúng ta tìm thấy một đoạn sáu cụm từ quan trọng tìm cách nhấn mạnh đến sự độc lập tự nhiên của quốc gia Việt Nam. Hai dòng đầu tiên có vấn đề nhỏ:

惟我大越之國，實爲文獻之邦

Duy ngã Đại Việt chi quốc; Thực vi văn hiến chi bang

[trong phần trích dẫn nguyên văn chữ Hán, tác giả Stephen O' Harrow lại đảo lộn cụm từ “thực vi văn hiến chi bang” lên trước cụm từ “duy ngã Đại Việt chi quốc”, mặc dù trong phần dịch nghĩa vẫn giữ như trong nguyên bản của Nguyễn Trãi, chú của Ngô Bắc]

Bây giờ hãy nghĩ về vùng đất Đại Việt này của chúng ta;
Thực sự đó là một quốc gia có văn hóa.

Việt Nam được gọi là "văn hiến chi bang", một quốc gia ngang tầm với Trung Hoa, một nước thừa kế tất cả các định chế và các phần liên thuộc văn hóa Hán Hoa (sinic) cần thiết. Và

hàm ý trong đó là một sự bác bỏ quan niệm của người Trung Hoa rằng người Việt được xếp loại trong số những người man rợ ở miền Nam (Nam Man: Southern Barbarians).

Hai dòng tiếp theo đã gây nhầm lẫn cho một số độc giả:

山 川 之 封 域 既 殊， 南 北 之 風 俗 亦 異
Sơn xuyên chi phong vực ký thù, nam bắc chi phong tục diệc dị

Tác giả Ứng Quà và một lần nữa T(rương) B(ửu) Lâm, theo sự thống nhất gieo vần của các câu văn, xem chúng là nhấn mạnh đến sự đa dạng trong chính phạm vi Việt Nam:

Les montagnes et les fleuves donnent à sa physionomie physique des aspects différents; du sud au nord les mœurs et les coutumes font d'autre part la variété [de sa physionomie morale] [tiếng Pháp trong nguyên bản, chú của Ngô Bắc].³²

Núi và sông của chúng ta có những đặc điểm đặc trưng của chúng, nhưng thói quen và tục lệ của chúng ta là không giống nhau từ bắc xuống nam.³³

Cao Xuân Huy (thuộc Liên Hiệp Nhà Văn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) hợp tác với Pierre Gamarra trong bản dịch năm 1961, đưa đến một sự giải thích tương tự:

*Elle a ses fleuves, ses montagnes
ses frontières [sic, frontières?, chú của Ngô Bắc] de toutes parts.
Elle a ses mœurs et ses coutumes.³⁴*

Sự nhầm lẫn dường như nảy sinh từ một sự hiểu lầm ý định của Nguyễn Trãi trong việc sử dụng từ 南 "nam" và 北 "bắc". Tự bản thân chúng có thể có vẻ đề cập đến các khu vực miền nam (南) và miền bắc (北) của Việt Nam; nhưng cả trong bối cảnh của bài thơ lẫn trong bối cảnh cách sử dụng tiêu chuẩn từ ngữ Hán-Việt của giai đoạn đó, xem ra nhiều phần chúng đề cập đến Việt Nam (南: nam) và Trung Hoa (北: bắc). Hai dòng tiếp theo chắc chắn nhấn mạnh sự tách biệt giữa Trung Hoa và Việt Nam (xem bên dưới) sẽ cho mang lại trọng lượng của khái niệm kể sau, nhưng việc cứu xét một lá thư viết bởi Nguyễn Trãi gửi cho một quan chức thân nhà Minh, Lương Nhữ Hốt (梁汝笏), giúp cho quan điểm của tác giả về chủ đề này trở nên rõ ràng và cho phép người ta khẳng định ý nghĩa chủ định:

安南昔爲中國之所侵占者自秦漢而下况天之所以限南北者高山大川之封域已定雖疆如秦富如隋豈可以勢力逞之哉？

An Nam tích vi Trung Quốc chi sở xâm chiếm giả, tự Tần, Hán nhi hạ. Huống thiên chi sở dĩ hạn Nam, Bắc giả, cao sơn đại xuyên chi phong vực dĩ định. Tuy cường như Tần, phú như Tùy, khởi khả dĩ thế lực sinh chi chiến [?] ? [phiên âm của Ngô Bắc]

*Nước An-Nam xưa bị Trung Quốc xâm chiếm, là từ thời Tần (Ch'in), Hán (Han) trở đi. Phương chi Trời đã phân cách Nam Bắc, có núi cao sông lớn, bờ cõi rành rành. Dẫu mạnh như Tần, giàu như Tùy (Sui), nào có thể sinh thế lực được đâu?*³⁵

[Bản dịch của Nguyễn Trãi Toàn Tập quyền thứ tư, Quân Trung Từ Mệnh Tập, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Thành phố Hồ chí Minh, Tháng 9, 1976, trang 122-123]

Chúng tôi chú ý đến việc sử dụng rõ ràng "cao sơn đại xuyên chi phong vực" (高山大川之封域), những ngọn núi và dòng sông được thiên nhiên chủ định dành cho việc thiết lập ranh giới của "Bắc" và "Nam". Nó trở nên rõ ràng rằng các đặc điểm địa lý được Nguyễn Trãi mô tả trong *Bình Ngô Đại Cáo* không có tính biểu tượng cho sự thay đổi bên trong Việt Nam nhưng đúng hơn là bằng chứng của ý định của Trời để giữ Việt Nam tách biệt khỏi Trung Hoa – điều này dẫn đến các phong tục khác nhau trong hai nước, một sự diễn giải gần sát hơn về ý nghĩa của hai dòng trong câu hỏi có thể là:

*As mountain and river make for various lands,
so our Southern ways must differ from the North.*

*Bởi núi và sông tạo nên những vùng đất khác nhau,
như thế các phong cách phương Nam của chúng ta phải khác với phương Bắc.*

Trong khi tầm quan trọng mà Nguyễn Trãi gắn liền với lý luận về địa lý bị bỏ quên trong hai bản dịch mới nhất từ Hà Nội, việc xác định "Bắc" với Trung Hoa và "Nam" với Việt Nam được công nhận:

*Terre de Sud, elle a ses fleuves, ses montagnes, ses mœurs, ses coutumes, distinctes de ceux du Nord.*³⁶

*. . . with its own rivers and mountains, ways and customs, different from those of the North.*³⁷

.... Với sông núi, phong cách và tập quán riêng của nó, khác biệt với những gì của phương Bắc.

Người ta bị cám dỗ để tự hỏi liệu sự khác biệt trong việc giải thích các từ ngữ "Bắc" và "Nam" được tìm thấy giữa hai bản dịch cuối cùng này với phiên bản của các ông Huy-Gamarra của thập kỷ trước không phản ánh mong ước ngày càng gia tăng về phía người Việt Nam để nhấn mạnh thông qua học thuật sự độc lập truyền thống của họ với Trung Hoa. Trong văn mạch này, thật thú vị để khảo sát hai câu thơ sau đây của *Bình Ngô Đại Cáo*:

自 趙 丁 李 陳 之 肇 造 我 國
Tự Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc,
與 漢 唐 宋 元 而 各 帝 一 方
dữ Hán, Đường Tống Nguyên nhi các đế nhất phương
và bản dịch mới nhất từ Việt Nam sang tiếng Anh là:
The Triệu, Đinh, Lý, Trần built up our independence
And stood as equals of the Han, Tang, Sung, Yuan. ³⁸

Nhà Triệu, Đinh, Lý, Trần đã xây dựng nền độc lập của chúng ta
Và đứng ngang hàng với nhà Hán, Đường, Tống, Nguyên.

Ở đây người ta có thể muốn lưu ý các từ "đứng ngang hàng: stood as equals", một suy luận hoàn toàn thiếu vắng trong bản dịch của các ông Huy và Gamarra trước đây:

Les dynasties des Dinh, des Le [sic], des Ly, des Tran ont bâti ce pays libre et fier: En ces temps-là, régnèrent sur la Chine les dynasties des Han, des Duong, des Tong, des Nguyen. ³⁹
Các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đã xây dựng đất nước tự do và hãnh diện, Trong cùng các thời đó, trị vì bên Trung Hoa là các nhà Hán, Đường, Tống, Nguyên.

mà chỉ chọn đưa ra một mối liên hệ về niên biểu mơ hồ giữa các nhà cai trị Trung Hoa và Việt Nam.

Tác giả Trương Bửu Lâm cung cấp, có lẽ vì sự hiện diện của từ tôn xưng hoàng triều "đế: 帝" (hoàng đế), một cách đọc đặt Trung Hoa và Việt Nam trên một nền tảng bình đẳng:

Since the formation of our nation by the Triệu, Đinh, Lý and Trần, our rulers have governed their empire exactly in the manner in which the Han, Tang, Sung and Yuan did.

Kể từ khi thành lập đất nước chúng ta bởi các nhà Triệu, Đinh, Lý và Trần, các nhà cầm quyền của chúng ta đã cai trị để chế của họ theo đúng cách mà các nhà Hán, Đường, Tống và Nguyên đã làm.

Trong khi cả bản dịch của ông Lâm và bản mới nhất bằng tiếng Anh từ Hà Nội đều hòa đồng trong thực chất và một trường hợp tốt có thể đã được thực hiện cho một cách nói nhẹ nhàng hơn (undertone) về sự "bình đẳng" giữa Trung Hoa và Việt Nam trong văn bản gốc, cụm từ "các đế nhất phương" (各帝一方), thực sự nhấn mạnh ý tưởng "mỗi vị hoàng đế ở đúng vị trí của mình". Và vần điệu từ hai dòng thơ trước chỉ phục vụ cho việc củng cố khái niệm về sự riêng biệt (separateness). Điều này sẽ dẫn người ta ưa thích hơn [cách diễn tả như sau]:

It was the Triệu, the Đinh, the Lý, and Trần who in succession built this country,
Even as the Han, the Tang, and Sung and Yuan, each was sovereign in its own domain.

Chính là các nhà Triệu, Đinh, Lý và Trần, đã liên tiếp xây dựng đất nước này.
Ngay ở các thời nhà Hán, Đường, Tống và Nguyên, mỗi triều đại là vị chúa tể tại lãnh thổ riêng của mình

Nhìn tổng thể khi đó, phần sáu câu mở đầu này, với tầm quan trọng được đóng khung bởi các âm điệu mang tính chất định đề (axiomatic) trong đó nó được lồng vào, nhấn mạnh đến các tiền lệ thiên nhiên và lịch sử cho quốc gia Việt Nam độc lập. Các dòng thơ theo sau nó kể lại những chiến thắng của người Việt Nam trước một chuỗi liên tiếp các kẻ xâm lược và chính vì thế phục vụ cho việc củng cố chủ đề.

雖 疆 弱 時 或 不 同
Tuy cường nhược thì hoặc bất đồng,
而 豪 傑 世 未 嘗 乏
Nhi hào kiệt thế vị thường phạp
故 劉 龔 貪 功 而 取 敗
Cố Lưu Cung tham công nhi thủ bại,
而 趙 胤 好 大 而 趣 亡
Nhi Triệu Tiết hiếu đại nhi xúc vong
唆 都 旣 擒 於 鹹 子 關
Toa Đô ký cầm ư Hàm Tử Quan
烏 馬 又 殪 於 白 藤 海
Ô Mã hựu ế ư Bạch Đằng hải. ⁴¹

*Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có.*

Cho nên:

*Lưu Cung tham công nên thất bại,
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô,
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã Nhi.*

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

[Về hai câu cuối, theo sử sách, Toa Đô bị giết tại cửa Hàm Tử, còn Ô Mã nhi bị bắt ở sông Bạch Đằng. Chú của Ngô Bắc] 41

Nguyễn Trãi đang nói, thực ra, rằng lịch sử và thiên nhiên kết hợp nhau đã đỡ đầu cho một quốc gia Việt Nam có các định chế xuất phát từ cùng một nguồn cội với Trung Hoa nhưng có số phận tách biệt với Trung Hoa. Hoàng đế mới của Việt Nam, Lê Lợi, có phả hệ tinh thần trước cả đời Nhà Tần (Ch'in) và nhà Hán (Han) và sự vĩ đại sánh với của Hán Cao Tổ, đã hành động trong khuôn khổ thiên nhiên và lịch sử này để khôi phục lại trật tự chính đáng. Đối với người Trung Hoa đã hành động chống lại trật tự chính đáng khiến họ chống lại Trời và, khi làm như vậy, đã đi ngược lại với một truyền thống mà họ chia sẻ với người Việt:

決東海之水不足以濯其污！

Quyết Đông Hải chi ba, bất túc dĩ trạc kỳ ô!

罄南山之竹不足以書其惡！

Khánh Nam Sơn chi trúc, bất túc dĩ thư kỳ ác!

神民之所共憤！

Thần nhân chi sở cộng phẫn!

天地之所不容！

Thiên địa chi sở bất dung!

{bản dịch của Ngô Tất Tố]

Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.

Lẽ nào trời đất dung tha,

Ai bảo thần dân chịu được?

Hành động chống lại trật tự chính đáng của thiên nhiên mời gọi sự thất bại và Nguyễn Trãi ở một chỗ trong văn bản thừa nhận rằng nhà Minh hẳn đã ngông cuồng (狂明: *cuồng Minh*) để cố sức làm việc đó.

Vì vậy, giờ đây chúng ta biết rằng Việt Nam và Trung Hoa về bản chất là riêng biệt và nhìn thấy Lê Lợi có đủ tính chất của một vị anh hùng. Nhưng trật tự của vũ trụ phải được hiểu trước khi người ta có thể hưởng lợi từ lý luận của nó và sự hiểu biết về Lê Lợi được cho là đã bắt nguồn từ sự nghiên cứu, một cách nói dí dỏm được thiết kế để làm hài lòng tâm trí Không học:

發憤忘食, 每研覃韜略之書,

Phát phần vong thực, mỗi nghiên đàm thao lược chi thư;

即古驗今, 細推究興亡之理。

Tức cổ nghiệm kim, tế suy cứu hưng vong chi lý.

[Bản dịch của Ngô Tất Tố]

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,

Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.

Các nghiên cứu của ông đã tôi luyện sự kiên quyết bẩm sinh của mình về *nhân* (仁: đạo làm người, {tác giả O'Harrow dịch *nhân* là *charity*: lòng, của từ thiện, bố thí có phần không thực chính xác, người dịch Ngô Bắc}), *nghĩa* (義) [*nghĩa* trong tiếng Việt chỉ việc phải làm, đáng làm cho người khác, tác giả O'Harrow dịch là *justice*: công lý, có phần không thực chính xác, người dịch Ngô Bắc] và từ tâm [hay đức độ] (*mercy*). *Nhân* và *Nghĩa* được giả định để cung cấp sự hỗ trợ về mặt đạo đức và tâm lý cho quân đội, và cuộc chiến thắng của lực lượng của Lê Lợi được cho là chiến thắng của những đức hạnh Nho giáo truyền thống này. Trong sự nhấn mạnh dành cho hai khái niệm này ở *Bình Ngô Đại Cáo*, chúng tôi thấy bàn tay của Nguyễn Trãi đang vận động, vì xem ra chúng đã từng là các điểm chủ chốt trong triết lý chính trị của ông.⁴² Giá trị của việc ghi nhận các khái niệm này ở đây là sự hấp dẫn hiển nhiên đối với giới tinh hoa Nho giáo. Nhưng lòng từ tâm (*mercy*) là gì?

Bình Ngô Đại Cáo, sau một sự tường thuật bao quát các trận đánh đã chiến đấu, đây những cục máu đông (không khác những thứ được tìm thấy ở các thiên sử thi hào hùng của dân tộc Na Uy (*Norse drápa*) hoặc trong các bài thơ về các hành vi anh hùng của nước Pháp (*chansons de geste*), nhằm đến sự không chế tinh thần người Trung Hoa sau cuộc chiến thắng tất yếu của người Việt. Trong khi thất bại quân sự của kẻ thù có sức thuyết phục nhất đối với những

người Việt Nam có thể đã hợp tác với địch, dấu ấn thực sự về sự ưu việt của Lê Lợi và về tính bất khả công kích của vị thế của ông là ông có thể ban phát đức độ:

神武不殺, 予亦體上帝孝生之心
Thần vũ bất sát, dư diệc thể Thượng Đế hiếu sinh chi tâm!
參將方政, 內官馬騏, 先給艦五百餘艘,
Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ, tiên cấp hạm ngũ bách dư sru,
既渡海而猶且魂飛魄散;
Ký độ hải nhi do thả hồn phi phách tán;
總兵王通, 參政馬瑛, 又給馬數千餘匹,
Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh, hựu cấp mã số thiên dư sắt [hay thất],
已還國而益自股慄心驚。
đã hoàn quốc nhi ích tự cổ lật tâm kinh.

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

*Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng Trời ta mở đường hiếu sinh!
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc.
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước mà vẫn tim đập chân run.*

Trong khi có thể lập luận rằng quyết định của Lê Lợi tha mạng các binh sĩ Trung Hoa được thúc đẩy bởi những cân nhắc khác hơn là triết học, ví dụ, nhằm ngăn chặn sự trả thù của nhà Minh ở một thời điểm nào đó trong tương lai, sự mô tả cụ thể về đối xử từ tâm của ông ấy trong bản đại cáo, ⁴³ lại phục vụ cho mục đích ngược lại. Nó củng cố các khái niệm của về sự bình đẳng của Lê Lợi với kẻ thù của mình và, theo hàm ý, sự thích nghi của ông ta với tư cách là người cai trị quốc gia mà ông đã lấy lại danh dự. Sức hấp dẫn của nó đối với điều có thể là một cảm giác tăng trưởng về tư thế quốc gia đã song hành với việc củng cố hình ảnh của Lê Lợi như tiêu điểm thích đáng của sự hỗ trợ Nho giáo, một người có "*nghĩa*" đã dẫn dắt ông đánh bại nhà Minh và có "*nhân*" đã hướng dẫn ông tha mạng cho họ.

Chính vì thế, dòng lý luận của Nguyễn Trãi, như được dõi tìm từ *Bình Ngô Đại Cáo*, có thể tóm tắt như sau: Trật tự tự nhiên phân cách và đặt ngang nhau Việt Nam với Trung Hoa, khi bị xâm phạm, cung cấp một *casus belli*: duyên cớ tham chiến với *chính nghĩa* có thể được khởi

xướng bởi một cá nhân xứng đáng. Sau khi cống hiến hết mình cho sự nghiên cứu, người ấy có thể tiến tới việc trang bị *nghĩa* để kiên trì chiến đấu. Một khi người ấy dẫn dắt đất nước đến chiến thắng, ông ta tái thiết lập trật tự thích hợp, xóa bỏ sự ô nhục của dân tộc và ban phát lòng *nhân*.

Người ta có thể rất dễ đặt câu hỏi nếu bản cáo trạng trong *Bình Ngô Đại Cáo* đòi độc lập cho Việt Nam đại diện cho một khẩu hướng đối với vấn nạn đó có tính chất mới mẻ, nó khác biệt ra sao so với các lập luận trước đó. Thực chất trong quan điểm của Nguyễn Trãi vang vọng lập luận của Lý Thường Kiệt (李常傑 1019-1105), người chỉ huy của Quân đội Việt Nam đã chiến đấu với nhà Tống: Sung (宋), trong tầm mức liên hệ:

南國山河南帝居

Nam quốc sơn hà nam đế cư,

截然分定在天書

Tiệt nhiên phận định tại thiên thư.

(Bản dịch của Trần Trọng Kim)

Sông núi nước Nam vua Nam ở,

Rành rành định phận tại sách trời.⁴⁴

Tuy nhiên, trong khi Lý Thường Kiệt có thể đã chủ trương rằng quyền hạn của vị chủ thể Việt Nam để cai trị các lãnh địa của mình đã được ban phong từ Trời, ông không trình bày một cách có hệ thống sự kiện đó. Không có dấu hiệu của một sự hấp dẫn có ý thức về chủng tộc đối kháng với căn cước địa lý hoặc trong bài thơ của Lý Thường Kiệt hay sau này, trong lời kêu gọi nổi tiếng hơn của Trần Quốc Tuấn (陳國峻 1227-1300) khi có cuộc xâm lược của người Mông Cổ, bản *Dụ Chư Tỳ Tướng Hịch Văn* (諭諸裨將檄文)

Ngoài *Bình Ngô Đại Cáo*, không có tài liệu lịch sử Việt Nam nào khác được tham chiếu trong thời hiện đại cho bằng bản văn của Trần Quốc Tuấn, cũng giống như những chiến công của ông thường được nhắc đến cùng lúc với các thắng lợi của Lê Lợi. Vì vậy, có thể là đáng giá để lấy một cái nhìn đối chiếu với *Dụ Chư Tỳ Tướng Hịch Văn*. Thật vậy, trong khi chưa đầy 150 năm cách biệt giữa sự trước tác của tài liệu kể sau này với việc soạn thảo bản văn *Bình Ngô Đại Cáo*, người đọc bị ấn tượng bởi một số khác biệt rõ ràng trong cách tiếp cận giữa hai cách thức. Trần Quốc Tuấn nhắm đến một nhóm được xác định hạn hẹp, các đội quân phục tùng nhà vua, với các từ ngữ tiết lộ mối quan tâm quan trọng nhất về kinh tế và điều có thể được gọi một cách lỏng lẻo là có tính chất hào hiệp. Về vấn đề danh dự cá nhân, ông khuyên răn họ:

汝等記恬然不以雪恥為念不以除凶為心
而又不教士卒是倒戈迎降空拳受敵
使平虜之後萬世遺羞
上有何面目立於天地覆載之間耶

Nhữ đẳng kỳ điềm nhiên, bất dĩ tuyết sỉ vi niệm, bất dĩ trừ hung vi tâm.
Nhi hựu bất giáo sĩ tốt, thị đảo qua nghênh hàng, không quyền thụ địch;
Sử bình lỗ chi hậu, vạn thế di tu,
Thượng hữu hà diện mục lập ư thiên địa phú tài chi gian da ?

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

thế mà các người không nghĩ tới, điềm nhiên không lo đến sự rửa thẹn, không tính; đến việc trừ hung, không nhớ đến chuyện dạy-tập quân-sĩ. Thế là giờ giáo hàng giặc, nắm tay chống giặc. Rồi đây, sau khi dẹp yên quân giặc, các người sẽ phải thẹn muôn đời, còn mặt-mũi nào đứng giữa khoảng trời đất che chở? ⁴⁵

Đó là để thoát khỏi sự ô nhục của việc được gọi là "tướng bị bại trận" và có những mô tả của tổ tiên đã mạo phạm khiến những người của Trần Quốc Tuấn được kêu gọi chiến đấu. Những người giàu có này bị buộc phải từ bỏ tạm thời sự theo đuổi thú vui, cuộc săn bắn và đánh bạc nhàn rỗi của họ, để chiến đấu với kẻ thù mà họ không thể mua chuộc:

脫有蒙韃之寇來
雄雞之距不足以穿虜甲
賭博之術不足以施軍謀
田園之富不足以贖千金之軀

Thoát hữu Mông Thát chi khấu lai,
Hùng kê chi cự, bất túc dĩ xuyên lỗ giáp;
Đỗ bác chi thuật, bất túc dĩ thi quân mưu.
Điền viên chi phú, bất túc dĩ thực thiên kim chi khu;

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

Một khi giặc Mông đến nơi, thì cựa con gà nòi không thể đâm thủng áo giáp của giặc; thuật ở bàn bạc không thể đem làm mưu mẹo ở trong quân; vườn ruộng tuy giàu, tấc thân ấy nghìn vàng khôn chuộc. ⁴⁶

Khác với Nguyễn Trãi là người đề cập đến văn nhân, Trần Quốc Tuấn bị rất ít ảo tưởng về chiều sâu của học thuật cổ điển giữa các tùy tùng của mình:

汝等世為將種不曉文義...

Nhữ đẳng thế vi tướng chủng, bất hiểu văn nghĩa,

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

*Các người đời đời là con nhà võ, không biết chữ nghĩa,*⁴⁷....

Vì vậy, ông đã nêu ra các hậu quả tài chính của cuộc xâm lược Mông Cổ rõ ràng với họ:

不唯余之采邑被削

Bất duy dư chi thái ấp bị tước,

而汝等之俸祿亦為他人之所有

Nhi nhữ đẳng chi bổng lộc diệc vii tha nhân chi sở hữu.

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

*Nếu thế, chẳng những là thái-ấp của ta không còn, mà bổng-lộc của các người cũng bị kẻ khác chiếm mất.*⁴⁸

Có lẽ không cần phải đưa ra quan điểm nào cả, nhưng xác suất là đối tượng dự định chính của bản *Bình Ngô Đại Cáo* là giới văn nhân được củng cố một cách hiển nhiên bởi lựa chọn ngôn ngữ mà nó được viết; và Nguyễn Trãi thực tế đã có một sự lựa chọn. Chúng ta đã sẵn phát biểu rằng trong triều đại của Hồ Quý Lý, việc sử dụng chữ nôm (demotic script) là khuyến khích trong thời khoảng ngắn ngủi, với điều đó phải nói thêm rằng Nguyễn Trãi là một tác giả rất thành thạo trong tiếng mẹ đẻ của mình.⁴⁹ Nếu được viết bằng chữ nôm, bản tuyên cáo có thể được hiểu một cách rộng rãi khi đọc to tiếng – viết nó bằng tiếng Hán ngay lập tức hạn chế sự thông hiểu toàn bộ trực tiếp vào giới tinh hoa. Đó là một sự thừa nhận ngầm ngầm vai trò xã hội của họ rằng bản *Bình Ngô Đại Cáo* rõ ràng là để được giải thích cho công chúng. Vì vậy, nó kết thúc:

誕布維新之誥。

Đản bố duy tân chi cáo

播告天下[遐邇],

Bá cáo thiên hạ [hà nhĩ][bản văn khác ghi 遐邇:hà nhĩ thay vì thiên hạ, chú của Ngô

Bắc]

咸使聞知。

Hàm sử văn tri

[Bản dịch của Ngô Tất Tố]

Ban chiếu duy tân khắp chốn.

Xa gần bá cáo,

Ai nấy đều hay.

Nhưng nếu có thể hiểu rằng lời tuyên cáo viết bằng tiếng Hán, một dụng cụ phần lớn thuộc giới tinh hoa, điều này lớn hơn một sự mỉa mai đối với những người mà bản văn nói đã tập hợp quanh chính nghĩa của Lê Lợi trong giờ phút ông ấy cần đến, vì đó là những người, không phải giới văn nhân hay những kẻ hầu cận của nhà vua, sẽ được tưởng nhớ trong một nước Việt Nam theo xã hội chủ nghĩa:

揭竿為旗, 氓隸之徒四集

Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập,

投醪饗士, 父子之兵一心。

Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm.

[Bản dịch của Ngô Tất Tố]

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.

Các từ "dân cư bị phân tán: scattered populace" phải được hiểu ở đây là những người dân bình thường, người nghèo, mặc dù "manh lệ 氓隸)" có thể thậm chí ám chỉ đến những kẻ lang thang và tội phạm.

Nếu ngay từ cái nhìn đầu tiên, *Bình Ngô Đại Cáo* đã luôn xuất hiện là một áng văn thơ gây xúc động, cho đến nay vẫn còn giữ ý nghĩa quan trọng của nó trong một bối cảnh Việt Nam khả dĩ chứng minh sẽ được giải thích. Nhìn xuyên bên dưới bề mặt, một khuôn mẫu rộng lớn hơn đã xuất hiện. Nhìn chung, thị kiến về đất nước của Nguyễn Trãi hữu lý hơn, toàn diện hơn cái nhìn trước đây. Song, đồng thời, nó là mang tính chất Việt Nam đặc thù hơn. Trong khi Trần Quốc Tuấn chọn trích dẫn những ví dụ về những chiến binh vĩ đại từ lịch sử Trung Hoa và thậm chí của Mông Cổ,⁵⁰ Nguyễn Trãi có thể liệt kê nhiều sự chiến bại các tướng lĩnh Trung Hoa dưới tay người Việt. Khi ông đề cập đến truyền thống "Trung Hoa", ông trình bày rất khéo léo, sẵn ngụ ý sự bình đẳng của Việt Nam trong truyền thống đó. Chính vì thế, chẳng hạn, ông tạo ra thiên anh hùng ca về vị chúa tể của mình, theo một cung cách cho thấy Lê Lợi tiến vào đền thờ

chư thần (pantheon) trên một bước đi với nét vĩ đại nhất của những anh hùng, vốn đã sẵn được thừa nhận bởi cả người Trung Hoa lẫn Việt Nam.

Có lẽ đã đến lúc phải suy nghĩ lại về quan điểm của chúng ta về chức năng của nhiều khía cạnh của truyền thống Hán hóa (Sinitic), của Khổng học (Confucianism), của văn hóa Trung Hoa trong xã hội Việt Nam, và đặc biệt trong sự liên hệ đến giới tinh hoa cầm quyền, trái ngược với các đặc điểm văn hóa tổng quát của nó trong toàn bộ dân chúng. Trong một số phương cách, công cụ của giới học thức theo Khổng học có thể được đánh đồng với một loại kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhất cho kiểm soát và quản lý xã hội được cung ứng tại, ví dụ, Việt Nam hồi thế kỷ thứ mười lăm. Theo nghĩa này, đó là khuôn khổ trong đó các sự kiện đã diễn ra, nhưng không nhất thiết phải là động cơ thúc đẩy chúng. Giống như ngày nay, khi [cộng sản] Việt Nam lựa chọn chủ nghĩa Marx, không phải trong sự bắt chước Liên Xô hay Trung Hoa, nói gì đến nước Đức thế kỷ XIX của Marx, nhưng là một công cụ để đạt được các mục đích của riêng mình.

Nếu chúng ta dành một khoảnh khắc ngắn để chấp nhận quan điểm về thế giới của Nguyễn Trãi, chúng ta sẽ phải kết luận rằng khái niệm cho rằng Việt Nam luôn luôn là bản sao chép Trung Hoa đã nhầm lẫn sâu sắc. Đối với ông, các định chế Hán hóa (Sinitic) không phải là "Trung Hoa" và Việt Nam, một thực thể bên ngoài sao chép chúng toàn bộ. Đúng hơn họ là những nước cùng chia sẻ trong một vòng tròn lớn hơn – nhắc nhở đến một mối liên kết Kitô giáo đã hợp nhất các ông hoàng và các dân tộc tại Châu Âu thời ban sơ trung cổ đối mặt với người Bắc Âu (Norsemen) vô đạo. Chính vì lý do này mà Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô Đại Cáo* có thể sử dụng các khía cạnh của truyền thống Trung Hoa để chỉ ra sự ngăn chặn chính đáng các mục tiêu Nhà Minh Trung Hoa. Và khi làm như vậy, ông thực hiện một bước tiến tới việc phổ cập truyền thống đó. Nó xác quyết trật tự thế giới của Nguyễn Trãi, trong đó Việt Nam phù hợp một cách độc lập, căn cước của nó được đảm bảo bởi thiên nhiên và với những con người đức hạnh sống ở đó./-

CHÚ THÍCH

1. Một ví dụ có thể là nhận xét của Griffing: "Trong lịch sử, Annam bị lệ thuộc vào Trung Hoa trong hơn một ngàn năm, từ cuối thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên (B.C.) cho đến thế kỷ thứ mười Sau Công Nguyên (A.D.). Sau này, nó bị sáp nhập vào Trung Hoa một cách ngắn ngủi ngay sau năm 1400 đến năm 1428. Rõ ràng, cảm hứng văn hóa Trung Hoa là chiếm ưu thế từ sớm. Mặc dù có một thời gian gián đoạn khoảng 500 năm ngăn cách hai thời ngoại thuộc, điều không thể tưởng tượng được rằng ảnh hưởng của văn hóa tiên tiến của Trung Hoa có thể đã suy giảm xuống bất kỳ mức độ đáng kể nào trong khi Annam độc lập về chính trị. Từ quan điểm này

sự chiếm đóng trong thời khoảng 1400-28 của Trung Hoa chỉ nhằm củng cố và tăng cường truyền thống đã sẵn được thiết lập vững chắc. "R. P. Griffing, Jr.," Dating Annamese Blue and White", *Orientalism* 7, no. 5 (1976): 35. So sánh với "Les langues de l'annamite littéraire" của E. Gaspardone, *T'oung Pao* 39, các số 4-5 (1950): 213-27.

2. A. Woodside, "Early Ming Expansionism (1406-1427): China's Abortive Conquest of Vietnam", *Papers on China* 17, no. 4.

3. Muốn có một tóm lược theo quan điểm Mác-xít Việt Nam về các yếu tố xã hội-kinh tế dẫn đến sự suy giảm này, xem Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn, *Khởi-nghĩa Lam Sơn và Phong-trào Đấu-tranh Giải-phóng Đất-nước vào đầu Thế-kỷ XV* (Hanoi, 1969), các trang 9-15. Quan điểm tiêu chuẩn về thời kỳ này, như hiện được giảng dạy tại Việt Nam, được phản ánh trong quyển *Lịch Sử Việt Nam*, biên tập bởi Vietnamese Social Science Committee (Hanoi, 1971), tập I, các trang 225-35.

4. Lê Thành Khôi, *Le Vietnam: histoire et civilisation* (Paris, 1955), các trang 198-99, *rải rác (passim)*.

5. Đó là, Chữ Nôm (字喃). Xem Stephen O'Harrow, "French Colonial Policy towards Vernacular Language Development in Vietnam and the Selection of Phạm Quỳnh" (Chính sách của Thực Dân Pháp đối với việc Phát triển chữ Nôm ở Việt Nam và sự tuyển chọn Phạm Quỳnh", *Aspects of Vernacular Languages in Asian and Pacific Societies* (Honolulu, 1973), các trang 114, 116, *passim*. Cũng được thảo luận trong quyển *Colonialism and Language Policy in Vietnam* của John DeFrancis (sắp xuất bản), các trang 46-47.

6. Các học giả như Alison Hanham [*Richard III and his Early Historians* (Oxford, 1975)], cố gắng làm sáng tỏ những tranh cãi xung quanh việc chiếm ngôi của Richard vào năm 1483, than thở về sự thiếu sót chứng liệu xung quanh các sự kiện – song chúng lại phong phú so với ngay cả những điều được biết đến nhiều nhất ở Việt Nam thời trung cổ.

7. Người ta thường nói rằng Nguyễn Ứng Long (sau này được biết đến dưới tên Nguyễn Phi Khanh (阮飛卿 1353?-1407?) đỗ thứ nhì trong các kỳ thi năm 1374 (xem Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn, *op. cit.*, sách đã dẫn, trang 111, giữa các điều khác (*inter alia*)). Tuy nhiên, điều này mâu thuẫn với lịch sử chính thức lưu trữ danh tính người đỗ "bảng nhãn" [tiếng Việt trong nguyên bản, chú của Ngô Bắc] của năm đó là một người tên Lê Hiền Phủ (黎獻甫), *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (CM)* (欽定越史通鑑綱目), Chb. X: 35 và *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (TT)* (大越史記全書), Q. VII: 165.),

8. *Bình Ngô Đại Cáo* xác định việc cưỡng bách đào mỏ khai thác vàng là một trong những tội ác của quân chiếm đóng nhà Minh. Bao nhiêu chiến lợi phẩm lấy từ Việt Nam đã được chuyển vào

kho bạc của chính phủ, đối lập với việc bị các quan chức chiếm đóng bỏ túi, rất khó để khẳng định (xem Woodside, *sách đã dẫn* (op. cit., sách đã dẫn), các trang 25-28), nhưng điều cũng đáng quan tâm để biết liệu nhiều quan chức cộng tác gốc Việt Nam có thủ lợi từ việc khai thác gia tăng trên đồng bào của họ. Đặc biệt, liệu những kẻ có đất đai sở hữu sụt giảm bởi các nghị định của Hồ Quý Lý có lợi dụng tình hình mới để thu hồi hay mở rộng sở hữu đất đai hay không?

98. Cùng nơi dẫn trên (*Ibid.*), các trang 24-25.

10. Lê Thành Khôi, *sách đã dẫn* (op. cit.), trang 204.

11. Một số câu hỏi đã được đặt ra, đặc biệt khi xét tới một số ám chỉ trong thi ca thuộc phần trước tác sau này của ông, như liệu bản thân Nguyễn Trãi có thoáng nghĩ đến ý tưởng hợp tác với người Trung Hoa trong một chuyến thăm Trung Hoa ngay sau khi bị bắt hay không. Xem Văn Tân, "Nguyễn Trãi có sang Trung-quốc hay không? "[Did Nguyễn Trãi go off to China or not?], *Nghiên-cứu Lịch-sử (NCLS)*, số 53 (1963).

12. Tất cả các trích dẫn từ các tác phẩm của Nguyễn Trãi từ giờ về sau đã được dịch bởi nhà nghiên cứu này từ bộ *Ức Trai Tập (UTT)* được tổ chức bởi Bibliothèque Nationale (Manuscripts orientaux, fonds annamite: A68) ở Paris, trừ khi có ghi chú khác. *UTT* được cho là đại diện cho tác phẩm của Nguyễn Trãi như được thu thập vào năm thứ hai mươi một của triều đại Tự Đức (嗣德), tức năm 1868, từ một bản thảo mà sau cùng hết (mặc dù sự liên hệ trực tiếp ra sao là một câu hỏi khác) xuất phát từ một tuyển tập được thực hiện vào khoảng sau năm 1464, khi Nguyễn Trãi được phục hồi sau khi chết bởi nhà vua và khi những tác phẩm của ông vẫn còn tồn tại (chúng đã được lệnh cho thiêu đốt vào 1442 sau khi ông bị xử tử vì các cáo buộc giết vua) lần đầu tiên được thu gom tại cùng một nơi. Văn bản của *Bình Ngô Đại Cáo*, với các phiên bản khác biệt đôi chút, sẽ được tìm thấy trong *UTT*, *TT*, *Lam Sơn Thực Lục (LSTL)* (藍山實錄), và một số tác phẩm khác (do đó nổi tiếng rộng rãi), nhưng một phiên bản rút gọn gây hiểu kỳ xảy ra trong quyển *CM*.

13. *UTT*, Q. V., các trang 1-2.

14. Woodside, op. cit., *sách đã dẫn*, trang 4.

15. Xem Đinh Gia Khánh và các cộng sự, *Hợp-tuyển Thơ Văn Việt Nam*, (Hà Nội, 1962), tập. 2 (Văn Học Việt Nam - thế kỷ X - thế kỷ XVII), 201.

16. Emile Gaspardone đưa ra một trường hợp cho sự phục tùng của Lê Lợi đối với Trung Hoa sau nỗ lực đầu tiên của ông để nổi dậy [xem "La supplique aux Ming de Le Loi", trong *Silver Jubilee Volume of the Zinbun-Kagaku Kenkyusyo* (Kyoto, 1954), tr. 159] nhưng quan điểm này khơi dậy sự tức giận lớn lao trong một số nhà sử học Việt Nam:

Có ý kiến cho rằng Lê Lợi đã đầu hàng quân Minh là hoàn toàn không có nền tảng và mâu thuẫn với lịch sử chính thức cũng như tài liệu đáng tin cậy [khác] của chúng tôi. (Phan Huy Lê và Phan Đại Đoàn, op. cit., sách đã dẫn, các trang 103-4).

17. Gaspardone (*op. cit.*, sách đã dẫn, *Passim*) một lần nữa đi ngược với hội nghị trong sự khẳng định của ông rằng chính một quyết định gây tranh chấp được đưa ra bởi một tòa án của nhà Minh liên quan đến một khiếu tố về đất đai và theo sau đó sự tố cáo Lê Lợi bởi đối thủ Việt Nam của ông ta trong vụ việc là nguyên nhân chính dẫn đến quyết định nổi dậy của ông. Trong khi kết luận này cũng sẽ không làm hài lòng một số người, điều chính xác là các hoạt động của Tòa án Trung Hoa trong thời kỳ chiếm đóng mà chúng tôi đã đề cập trong chú thích số 8 và đáng để có sự điều tra hơn nữa (nếu có thể). Nó có thể chỉ ra rằng các thành viên của giới tinh hoa Việt Nam trung thành với nhà Minh, chẳng hạn như Lương Nhữ Hốt (梁汝笏), tìm cách thu lợi từ sự hiện diện của Trung Hoa với giá phải trả của những phần tử chống Trung Hoa như những người sau này gắn bó với Lê Lợi.

18. Mặt khác, rất nhiều thư từ của Nguyễn Trãi gửi các tướng địch, được cung ứng trong Quyển IV của *UTT* (tiểu đề " *Quân Trung Từ Mệnh Tập*: 軍中詞命集) rõ ràng nhắm vào sự tìm đọc của những người khác ngoài người nhận. Chúng có tính chất tuyên truyền và được thiết kế để kích động những người đọc chúng từ bỏ tất cả sự hỗ trợ cho các kẻ thống trị nhà Minh. Một loại hệ thống chuyển giao đặc biệt của quân đội thời trung cổ dường như đã được sử dụng: một bức thư gửi cho cấp chỉ huy của một thành phố bị bao vây, được gửi đi bởi những kẻ hành hạ ông ta, sẽ được niêm phong bằng sáp, gắn vào một mũi tên và được bắn vượt qua các bức tường thành phố. Tất nhiên nhiều hơn một bản sao có thể được gửi, với hy vọng rằng văn bản sẽ sau rốt nằm trong tay của những người có khả năng kích động. Xem H. Franke trong quyển *Chinese Ways in Warfare*, đồng biên tập bởi Kierman và Fairbank (Cambridge, 1974), các trang 171, 176, 180.

19. Cần lưu ý rằng trong khi một số bản dịch của đại cáo hiện có, không bản dịch nào là không có khiếm khuyết lớn. Bản gốc là thơ ca (một hình thức gọi là "phú" 賦) và là một ân sủng văn học tựa như bằng khen cho một sự diễn dịch thi ca thích hợp. Phiên bản của Trương Bửu Lâm [trong quyển *Patterns of Vietnamese Response to Foreign Intervention: 1858-1900* (New Haven, 1967), các trang 55-62] là bản dịch tốt nhất được cung ứng nhưng lại ở thể văn xuôi và chứa đựng một số lỗi nhất định (như được lưu ý trong bài viết này), điều cũng được tìm thấy trong một bản dịch bằng văn xuôi sang tiếng Pháp của Ứng Quả ("Un texte vietnamien du XVe siècle, Le Bình Ngô Đại Cáo", *Bulletin de l' École Française d'Extrême Orient* 46 (1952-54): 279-95). Thật không may, phiên bản dịch thơ bằng tiếng Pháp của Cao Xuân Huy và Pierre Gamarra ["Proclamation sur la Pacifying des Ngo", *Europe*, no. 387-88 (1961): 106-10J, mặc dù có tiếng vang, nhưng bị bối rối bởi các sự thiếu chính xác trong khi một bản dịch bài thơ sang tiếng Pháp từ Hà Nội (Nguyễn Khắc Viện et al, *Anthologie de la littérature vietnamienne*, tập 1 (Hà Nội, 1972), các trang 143-48), thì trung thực hơn, lại thiếu sự cộng hưởng và sự cống hiến của một số người chỉ xác định với chúng tôi là "D.T.B." [*Vietnam: A Historical Sketch* (Hà Nội,

1974), trang.86-92] hoàn toàn có tính chất khoa trương. Chú thích này không thể bỏ qua việc nói rằng một số phiên bản được cung ứng trong tiếng Việt hiện đại, chẳng hạn như bản dịch của Bùi Kỳ (trong sách của Đinh Gia Khánh và cộng sự, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, và những nơi khác) và của Đào Duy Anh [trong bản dịch sang tiếng Việt hiện đại của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam bộ *TT*, tập. 3 (Hà Nội, 1968): các trang 51-55, và những nơi khác], cả hai đều súc tích nhưng khá chính xác.

20. Từ ngữ "bình" (平) được dịch là "to lay low: hạ thấp xuống (tức, cắt giảm)" vì ẩn ý của nó ở trên và vượt ra ngoài bản dịch tiêu chuẩn hơn "to pacify: bình định" gần với ý nghĩa của từ "An: 安" (\$) như được sử dụng trong tên gọi "An-Nam" (安南), Bình định thường ngụ ý sự chiếm đóng hoặc quản lý theo sau trong khi người Việt Nam không chiếm đóng hoặc quản lý lãnh thổ của Trung Hoa; họ chỉ trục xuất người Trung Hoa ra khỏi chính lãnh thổ của họ. Kiểm chế tham vọng của nhà Minh và gây ra thất bại đẫm máu cho quân đội của họ có thể được gọi là "đón, triệt hạ họ xuống thấp".

21. Ưng Quả, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 279.

22. Lâm, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 61.

23. Nguyễn Trãi sử dụng vương hiệu triều đại cho sự tham chiếu cụ thể và từ "Trung-quốc" cho sự tham chiếu tổng quát, ví dụ, xem thư gửi Lương Nhữ Hốt bên dưới.

24 *Dictionarium Annnamiticum [sic] , Lusitanum, et Latinum* (Rome, 1651), trang 529.

25 Trong quyển *Shih Chi* (史記 : *Sử Ký*), ch. 41 [sic 14?, chú của Ngô Bắc] (Việt Vương Câu Tiễn Thế Gia).

26. *Ibid.*, Cùng nơi dẫn trên Sự ám chỉ mà Nguyễn Trãi rõ ràng quen thuộc:

乃苦身焦思置膽於坐 坐卧即仰膽飲食亦嘗膽也。

27. Lần sử dụng đầu tiên liên quan đến tiếng Việt và là lần mà mọi sử sử dụng sau này ám chỉ đến, có vẻ đã hiện diện trong danh xưng Nam Việt (南越) như được áp dụng cho vương quốc (?) được thành lập bởi Triệu Đà (趙佗) vào cuối thế kỷ thứ ba Trước Công Nguyên (B.C.). Triều đại nhà Triệu được nhắc đến trong *Bình Ngô Đại Cáo* (xem bên dưới), triều đại đầu tiên được liệt kê, khiến người ta tin rằng nó đã thu hút được một số tầm nhìn của Nguyễn Trãi, có lẽ vì đó có thể là triều đại đầu tiên tương đối Hán hóa và có thể truy tìm, ít nhất là theo quan điểm của ông, trở lại vương quốc Việt thậm chí còn xưa hơn nữa.

28. L. Arousseau, "La Première conquête chinoise des pays annamites, *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient* 21 (1923): 137-264.

29. H.J. Wiens, *Han Chinese Expansion in South China* (Hamden, Conn., 1967), trang 41, 126-27, 137-38.
30. Lê Thành Khôi, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 86. Xem thêm Stephen O'Harrow, "Vietnam as the Chinese Found It", *Asian Perspectives* 21 (đang in).
- 31 Về câu hỏi về lòng trung thành theo vùng miền (ví dụ: Thanh-hóa so với đồng bằng Hồng Hà) vào lúc khởi đầu của nhà Lê, xem J. K. Whitmore, "The Development of Lê Government in Fifteenth Century Vietnam" (Luận Án Tiến Sĩ, Đại học Cornell University, 1968).
32. Ưng Quả, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 291.
33. Lâm, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 56.
34. Huy và Gamarra, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 107.
35. Điều trớ trêu là tất nhiên người Trung Hoa đã làm như vậy – chắc chắn Nguyễn Trãi phải biết điều này?
36. Nguyễn Khắc Viện và cộng sự, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 143.
37. "D.T.B.", *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 86.
38. *Ibid.*, *Cùng nơi dẫn trên*
39. Huy và Gamarra, *nơi đã dẫn*, *loc. cit.*
40. Lâm, *nơi đã dẫn*, *loc. cit.*
41. Ở đây, sự thôi thúc sử dụng sự phóng túng về niêm luật trong thi ca đã chiến thắng. Tướng Mông Cổ Ô-mã (-nhi) [烏馬 (兒)], có tên trong thực tế là một phiên âm của từ *Omar*, được biểu hiện là "Black Horse: Ngựa Đen", nghĩa đen của các từ ngữ được dùng để truyền lại cảm giác về sự hung dữ giống như động vật mà ông ta được nói là đã sở hữu – ông ta đặc biệt bị thù hận ở Việt Nam
42. Ngay những từ đầu tiên của bản đại cáo bày tỏ lòng tôn kính đối với các khái niệm này:
仁義之舉, 要在安民,
Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân,
弔伐之師, 莫先去暴。

Điều phạt chi sự, mặc tiên khử bạo.
(Bản dịch của Ngô Tất Tố)
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điều phạt trước lo trừ bạo.

Ở một chỗ sau này trong bản đại cáo, ông thốt lên:

以大義而勝兇殘,
Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn,
以至仁而易彊暴。
Dĩ chí nhân nhi dịch cường bạo

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)
Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo.

Toàn bộ câu hỏi về ý nghĩa thực sự của các từ ngữ này trong triết lý chính trị của Nguyễn Trãi đã là chủ đề của cuộc tranh luận sôi nổi ở Việt Nam. Xem, *giữa các tài liệu, inter alia*, Lê Văn Kỳ, "Tu-tướng 'dân' của Nguyễn Trãi với chúng ta ", *NCLS*, số 81 (1965); Văn Tân, "Tu-tướng nhân văn của Nguyễn Trãi *NCLS*, số 54 (1963); và nhiều bài viết khác trong ấn phẩm này được tìm thấy từ đầu thập niên 1960 trở đi.

43. Một sự mô tả, mặc dù không được xác định, không bị loại trừ bởi các sự tường thuật chính thức của Trung Hoa. Xem *Ming Shih* (明史: *Minh Sử*), Ch. 154.

44. Bản gốc của Trần Trọng Kim trong quyển *Việt Nam Sử-lược* (Sài Gòn, 1951), trang 108. Đối với bản dịch khác, xem Lâm, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, các trang 47-48.

45. Lâm, *op. cit.*, *sách đã dẫn*, trang 53.

46. *Ibid.*, *Cùng nơi dẫn trên*, trang 51.

47. *Ibid.*, *Cùng nơi dẫn trên*, trang 50.

48. *Ibid.*, *Cùng nơi dẫn trên*, trang 52.

49. Các trước tác bằng chữ nôm của Nguyễn Trãi, bao gồm 254 bài thơ cấu thành tác phẩm hiếm được nhìn thấy, *Quốc Âm Thi Tập* (國音詩集) hoặc Q. VII của *UTT*, đại diện, ngoài các văn bản rời rạc, bộ phận lâu đời nhất còn tồn tại của văn học Việt Nam được hay biết cho đến nay.

50. Lâm, *op. cit.*, sách đã dẫn, các trang 49-50, 52.

Nguồn: **Stephen O'Harrow**, Nguyen Trai's Binh Ngô Đại Cáo 平吳大誥 of 1428: The Development of a Vietnamese National Identity, *Journal of Southeast Asian Studies*, Vol, 10, No. 1 (March 1979), các trang 159-174.

PHỤ LỤC

1. Bình Ngô Đại Cáo bằng tiếng Hán và có phiên âm đi kèm.
2. Bản dịch *Bình Ngô Đại Cáo* sang chữ quốc ngữ của Trần Trọng Kim

平吳大誥

Bình Ngô đại cáo

nguyễn trãi

伐 天 行 化 皇 上 若 曰

Đại thiên hành hóa hoàng thượng nhược viết :

仁 義 之 舉 要 在 安 民 弔 伐 之
Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân; điều phạt chi
師 莫 先 去 暴 惟 我 大 越 之 國 實 爲
sư, mạc tiên khứ bạo. Duy ngã Đại-Việt chi quốc, thực vi
文 獻 之 邦 山 川 之 封 域 既 殊 南
văn hiến chi bang. Sơn xuyên chi phong vực ký thù, nam
北 之 風 俗 亦 異 自 趙 丁 李 陳 之
bắc chi phong tục dị. Tự Triệu, Đinh, Lý, Trần chí
肇 造 我 國 與 漢 唐 宋 元 而 各 帝
triệu tạo ngã quốc; dĩ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế
一 方 雖 強 弱 時 或 不 同 而
nhất phương. Tuy cường nhược thì hoặc bất đồng, nhi
室 保 世 未 嘗 乏 故 劑 藥 食 功 而
hào kiệt thế vị thường pháp. Cố Lưu Cung tham công nhi
取 敵 而 趙 高 好 大 而 促 亡 峻 都
thủ bại, nhi Triệu Tiết hiếu đại nhi xúc vong. Toa Đô
既 擒 於 鹹 子 關 馬 兒 又 殪 於 白 勝 海
kỷ cầm ư Hàm-tử quan; Mã Nhi hựu ử ư Bạch-đăng hải.
稽 曰 諸 往 古 歷 有 明 徵 項 因
Kê chư vãng-cổ, quyết hữu Minh-trung. Khoảnh nhân
胡 政 之 煩 苛 致 使 人 心 之 怨 叛 在
Hô chính chi phiền hà, tri sử nhân tâm chi oán叛. Cường
明 伺 隙 因 以 毒 我 民 惡 黨 懷 惡
Minh tứ khích; nhân dĩ độc ngã dân; ác đảng hoài gian,

竟以責我國猶管生於虐臨
 cảnh dĩ mại ngã quốc. Phiến thương-sinh ư ngược diêm ! Hâm
 赤子於禍坑欺大同民說卦蓋
 xích-tử ư họa khanh ! Khi thiên vớng dân, nguy kế cái
 千萬狀連兵結憤稔惡殆二十
 thiên vạn trạng. Liên binh kết hấn, nãm ác dãi nhị thập
 年敵義傷仁乾坤幾乎從息
 niên. Bại nghĩa thương nhân, kiền khôn cơ hồ dục tức ;
 重科辱敵山河罔有孑遺聞
 trọng khoa hù địch sơn hà ư ư 遺聞
 trọng khoa hậu liêm, sơn trạch vớng hữu kiệt di. Khai
 金場則冒虎陣而斧山淘沙
 kim trường tắc mạo lam chướng nhĩ phủ sơn đào sa !
 採明珠則驅蛟龍而短鰲余海
 Thái minh châu tắc xúc giao long nhĩ cẳng yêu thôn hải !
 投民設玄扈之機階珍物識翠
 Nhiễu dân thiết huyền lộc chi hàm tịnh ! Diên vật chức thủy
 禽之網羅昆蟲草木咸不得以
 cầm chi vớng-la ! Côn-trùng, thảo mộc, hàm bất đắc dĩ
 遂其生鯨鯢黿連俱不得以安
 toại kỳ sinh ! Quan quả, diên liên, câu bất đắc dĩ an
 其所沒生靈之血以潤禁點之
 kỳ sở. Tuấn sinh-linh chi huyết, dĩ nhuận kiệt hiệt chi
 吻牙根土木之功以崇公私之
 văn nha ! Cực thờ mộc chi công, dĩ sùng công tư chi
 辟宇州里之征徭重困閭閻之
 giải vũ ! Châu lý chi chính, đao trọng khốn ! Lư diêm chi
 杼柚皆空決東海之波不足以
 trữ, trục đại không ! Quyết Đông-hải chi ba, bất túc dĩ
 濯其汚罄南山之竹不足以書其
 trục kỳ ô ! Khánh Nam - sơn chi trúc, bất túc dĩ thư kỳ ác !
 神人之所共憤天地之所不容
 Thần nhân chi sở cộng phẫn ! Thiên địa chi sở bất dung !

予 齋 跡 麓 山 棲 身 荒 野 念 國 難
 Dư phần tích Lam-sơn, thể thân hoang dã. Niệm quốc thà
 豈 可 共 戴 普 逆 賊 難 與 俱 生 痛
 khởi khả cộng đại, thể nghịch-tặc nan dữ câu sinh ! Thống
 心 疾 首 者 垂 十 餘 年 常 膝 卧 薪
 tâm tật thủ giả, thùy thập dư niên ; thường đởm ngọa tân
 者 蓋 非 一 日 發 憤 忘 食 每 研 談
 giả, cái phi nhất nhật. Phát phần vong thực, mỗi nghiên đàm
 耨 耨 之 書 即 古 驗 今 細 推 究 興
 thao-lược chi thư ; tức cò nghiệm kình, tế suy cứu hưng
 亡 之 理 國 田 之 志 寐 寤 不 忘 當
 vong chi lý. Đồ hồi chí chí, mục - mục bất vong ! Đương
 義 旗 初 起 之 時 正 賊 氛 方 張 之
 nghĩa kỳ sơ khởi chi thì, chính tặc thể phương trương chi
 日 忝 以 人 才 秋 葉 倭 倭 晨 星 奔
 nhật. Nại dĩ : nhân-tài thu diệp ! Tuấn kiệt thần tinh ! Bôn
 走 先 後 者 既 乏 其人 謀 謀 帷 帳 者 又
 tẩu tiên hậu giả ký pháp kỳ nhân ! Mưu-mô duy ác giả hựu
 寡 其 助 特 以 救 民 之 念 每 鬱 鬱 而 欲
 quả kỳ trợ ! Đặc dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục
 東 故 於 待 賢 之 車 常 汲 汲 而 虛 左
 đông ! Cố ư đại hiền chi xa, thường cấp cấp nhi hư tả !
 然 其 得 人 之 救 茫 若 望 洋
 Nhiên kỳ : đắc nhân chi cứu茫若望洋
 由 己 之 心 甚 於 拯 溺 憤 凶 徒 之 未 滅
 Do kỷ chi tâm, thậm ư chứng nịch ! Phẫn hung-đồ chi vị diệt ;
 念 國 步 之 猶 危 靈 山 之 食 盡 兼
 niệm quốc bộ chi猶危靈山之食盡兼
 旬 琬 縣 之 衆 無 一 旅 蓋 天 欲 困
 tuần, Khôi-huyện chi chúng vô nhất lữ. Cái thiên dục khôn
 我 以 降 厥 任 故 余 益 勵 志 以 濟 予 艱
 ngã dĩ giáng quyết nhiệm, cố dư ích lệ chí dĩ tế vu gian !

揚子爲旗幟隸之徒四集投繯饗士
 Yết can vì kì, manh lệ chi đồ tứ tập; đầu dao hưởng sĩ,
 父子之兵一心以弱制強或攻
 phụ tử chi binh nhất tâm. Dĩ nhược chế cường, hoặc công
 人之不備以寡敵衆常設伏以
 nhân chi bất bị, dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ
 出奇卒能以大義而勝凶殘以至仁
 xuất kỳ! Tốt năng dĩ đại-nghĩa nhi thắng hung-tàn, dĩ chí nhân
 而易羸暴藩籬之震驅電掣
 nhi địch cường bạo. Bỏ-đàng chi đình khu điện xiết!
 茶餽之竹破灰飛士氣以之益增軍
 Trà-lân chi trúc phá hôi phi! Sĩ khí dĩ chi ích tăng! Quân
 聲以之大振陳智山壽之徒聞
 thanh dĩ chi đại chấn! Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ, văn
 風而襁纁李安方政之輩假息
 phong nhi tri phách! Lý An, Phương Chính chi bối, dã tức
 以偷生乘勝長驅西京既爲我
 dĩ thâu sinh! Thừa thắng trường khu, Tây-kinh ký vì ngã
 有道肆進取東都盡復舊疆
 hữu, Tuyền phong tiến thủ, Đông-đô tận phục cựu cương.
 寧橋之血成川流腥萬里草潤
 Ninh-kiều chi huyết thành xuyên, lưu tinh vạn lý! Tốt động
 之尸滿野遺臭千年陳冷賊之腹
 chi thi mãn dã, di xú thiên niên! Trần Hiệp tặc chi phúc
 心既梟其首李亮賊之姦盡又暴
 tâm, ký cừ kỳ thủ! Lý Lương tặc chi gian tố, hựu bộc
 厥尸王通理亂而焚香益焚馬
 quyết thi! Vương Thông lý loạn nhi phân giả ích phần! Mã
 瑛殺門而怒者益怒彼智窮而力盡
 Anh cừ đầu nhi nộ giả ích nộ! Bĩ trí cùng nhi lực tận,
 束手待亡我謀伐而心攻不戰
 thúc thủ đãi vong; ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến

自屈彼必不易心而致慮此應復作
tự khuất. Vì bị bắt dịch tâm nhi cải lự. Khởi ý phục tác
舉以遠革執一己之見而嫁禍於他
nghiệt dĩ tước cô ! Cháp nhất kỷ chi kiến nhi giá họa ư tha
人貪一時之功而貽笑於天下
nhân ; Tham nhất thì chí công, nhi di tiếu ư thiên hạ !
遂使宣德之狡重贖兵無厭足
Toại sử Tuyên-dức chi狡 trọng độ binh vô yếm ! Viên
命歲昇之懦將以油救焚丁未
mạnh Thanh, Thăng chí nọa tướng, dĩ dầu cứu phần ! Đinh-vị
九月柳昇遂引兵由溫邱而進
cửu nguyệt Liễu Thăng toại dẫn binh do Ôn-khâu nhi tiến.
本年十月未歲亦分途自雲南
Bản niên thập nguyệt, Mộc Thanh diệc phân đạo tự Vân-nam
而來于前既遣伏卒塞險以摧其餘
nhĩ lai. Dư tiền kỷ tuyên phục tước tác hiềm, dĩ tởi kỳ phong.
後又調奇兵截路以斷其食十八日
Hậu hựu điều kỳ binh tiết lộ, dĩ đoạn kỳ thực. Thập-bát nhật,
柳昇既為我所攻計墮於支徒之野
Liêu Thăng kỷ vì ngã sở công, kế truy ư Chi-lăng chi dã !
二十日柳昇又為我所斃身死
Nhị-thập nhật, Liễu Thăng hựu vì ngã sở bại thân tử
於馬鞍之山二十五日保定伯梁
ư Mã yên chi sơn ! Nhị-thập-ngũ nhật, Bào-định bá Lương
銘陣陷而喪軀二十八日南
Mịch trận hãm nhi táng khu ! Nhị-thập-bát nhật, Thượng-
書曹李度計窮而刎頸我既迎
thư tào Lý Khánh, kế cùng nhi văn cảnh ! Ngã kỷ nghinh
力而解彼即倒戈相攻繼而四面
nhận nhi giải ! Bĩ tức đảo qua tương công ! Kế nhi tứ diện
添兵以包圍期以十月中旬而
thêm binh dĩ bao vi ; kỷ dĩ thập-nguyệt trung tuần nhĩ

殄滅是逆貌赫之士中命爪牙之
 diên diệt. Viên mạnh tỳ-hưu chí sĩ; thân sử trảo-nha chí
 臣飲泉而河水乾磨刀而山石
 thân. Âm tượng nhi hà thủy can! Ma đao nhi sơn thạch
 缺一鼓而鯨刻鯨斷再鼓而鳥
 khuyết! Nhất cổ nhi kinh khoa, ngạc đoạn! Tái cổ nhi điều
 散鷹鷂決潰蟻於崩堤振昱
 tán, huân kinh! Quyết hội nghị ư băng-đê! Chấn cường
 風於檣葉都督崔聚膝行而送款
 phong ư khô-diệp! Đô-đốc Thôi Tự sát hành nhi tống khoản!
 尚書黃福面縛而就擒僞
 Thượng thư Hoàng Phúc diện phọc nhi tựu cầm! Cương-
 尸塞於諒山諒江之途濺血赤
 thi tắc ư Lạng sơn, Lạng-giang chi đồ! Tiên huyết xịch
 於昌江平淮之水風雲爲之變
 ư Xương-giang, Bình-than chí thủy! Phong vân vị chí biến
 色日月慘以無光真雲南兵爲
 sắc! Nhật nguyệt thảm dĩ vô quang! Kỳ Vân-nam binh vì
 我軍所扼於梨關自銅疑嚙喝而先
 ngã quân sở ách ư Lê-quan, tự đồng nghi, khur-át nhi tiên
 已破胆其末歲等爲我軍所敗於芹
 dĩ phá đởm! Kỳ Mộc Thạnh đẳng vì ngã quân-sở bại ư Cầm-
 站遂躡藉奔潰而僅得脫身冷
 trạm, toại lạn tạ, bôn hội nhi cầm đắc thoát thân! Lãnh-
 溝之血杵流江水爲之鳴咽丹舍之
 câu chí huyết chử lưu, giang thủy vị chí ô yết! Đan-xá chí
 尸山積野草爲之殷紅兩路救兵
 thi sơn tích, dã thảo vị chí ân hồng! Lương lộ cứu binh,
 既不旋踵而俱敵各城窮寇相
 ký bất toàn chủng nhi câu bại! Các thành cùng khấu, tương
 率解甲以出降賊首咸擒彼既
 suất giải giáp dĩ xuất hàng! Tặc thủ thành cầm, bỉ ký

掉殘卒乞憐之尾神武不殺予亦體
 trạo tàn tốt khất lân chí vĩ. Thần vũ bất sát, dư diệc thể
 上常好生之心參將方政
 Thượng-đế hiếu sinh chí tâm ! Tham-tướng Phương-Chính,
 內官馬騏先給糧五百餘艘既
 nội-quan Mã-Kỳ, tiên cấp lương ngũ bách dư sloop, ký
 渡海而猶且魂飛魄散總兵王
 độ hải nhi do thả hồn phi phách tán ; tổng - binh Vương-
 通參政馮瑛又給馬數千餘匹
 Thông, tham-chính Mã Anh, hựu cấp mã số thiên dư sải,
 已還國而益自殷栗心驚彼既畏死貪
 dĩ hoàn quốc nhi ích tự cồ lạt tâm kinh. Bĩ ký úy tử tham
 生而修好有誠予以全軍為上
 sinh nhi tu hiếu hữu thành dĩ dĩ quân vi thượng
 而於民得息非推討謀之極其深遠
 nhi dĩ dân đắc tức phi duy thảo mưu chi cực kỳ thâm-viễn ;
 抑亦古今之所未見聞社稷以之真安
 ức dĩ dĩ cổ kim chi sở vị kiến-văn ! Xã-tắc dĩ dĩ chí diên - an,
 山川以之改觀乾坤既否而復泰
 sơn xuyên dĩ dĩ cải quán. Kiển-khôn ký dĩ nhi phục thái,
 日月既晦而復明予以開萬世
 Nhật Nguyệt ký hồi nhi phục minh. Vu dĩ khai vạn thế
 太平之基予以當千古無窮之恥蓋
 thái-bình chí cơ ! Vu dĩ tuyết thiên cồ vũ cùng chí sỉ ! Cái
 由天地祖宗之靈有以陰相默
 do Thiên, Địa, Tổ, Tông chí linh hữu dĩ âm tương, mặc-
 佑而致然也於戲一戎大定
 hựu nhi trí nhiên dã. Ô hô ! Nhất nhung đại định,
 迄成無敵之功四海永清混
 hất thành vô địch chí công ; tứ hải vĩnh thanh, đản
 布維新之謠揚告天下咸使聞知
 bá duy tân chí cao, Bá cáo thiên hạ, hàm sử văn tri.

Bản dịch của Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược, Quyển 1, Phần III, Chương XIII, các trang 242-246

Tượng-màng:

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương-vực đã chia, phong-tục bắc nam cũng khác. Từ [Đinh](#), [Lê](#), [Lý](#), [Trần](#), gây nên độc-lập; cùng [Hán](#), [Đường](#), [Tống](#), [Nguyễn](#), hùng-cử một phương. Dầu cường nhược có lúc khác nhau, song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên:

[Lưu Cung](#) sợ uy mất vía, [Triều Tiết](#) nghe tiếng giật mình. Cửa Hàm-tử giết tươi [Toa Đô](#), [sông Bach-đăng](#) bắt sống [Ô Mã](#). Xét xem cổ-tích, đã có minh-trung^[1].

Vừa rồi:

Vì [ho Hồ](#) chính-sự phiến-hà, để trong nước nhân-dân oán hận. Quân cuồng [Minh](#) đã thừa cơ tứ ngược^[2], bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khé, ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân-nghĩa, nát cả càn-khôn, nặng khoa-liễm^[3] vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu, nào hỏ bầy hươu đen, nào lưới dò chim sả. Tàn-hại cả côn-trùng thảo-mộc; nheo-nhóc thay quan quả diên-liên^[4]. Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bầy no-nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa. Nặng-nề về những nỗi phu-phên, bắt-bớ mắt cả nghề canh-cửi. Độc-ác thay! trúc rừng không ghi hết tội; dơ-bẩn thay ! nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần-nhân nhịn được.

Ta đây:

[Núi Lam-sơn dấy nghĩa](#), chốn hoang-dã nương mình. Ngấm non sông căm nỗi thế thù, thề sống chết cùng quân nghịch-tặc. Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược-thao suy-xét đã tinh; ngấm trước đến nay, lẽ hung-phé dẫn-đo càng kỹ. Những trần-trọc trong cơn mộng-mị, chỉ bần-khoăn một nỗi đồ-hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuần-kiệt như sao buổi sớm, nhân-tài như lá mùa thu. Việc bôn-tẩu thiếu kẻ đỡ-dần, nơi duy-ác hiểm người bàn-bạc. Đôi phen vùng-vẫy, vẫn đắm-dắm con mắt dục đông^[5]; mấy thừa đợi-chờ, luống đàng-đẵng cỗ xe hư tả^[6]. Thế mà trông người, người càng vắng-ngắt, vẫn mịt-mờ như kẻ vọng dương^[7]; thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chứng-nịch^[8]. Phần thì giận

hung-đồ ngang-dọc, phần thì lo quốc-bộ khó-khăn. Khi [Linh-son](#) lương hết mấy tuần; khi [Khôi-huyền quân không một lữ](#). Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma; cho nên ta cố-gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phát-phối, ngóng vân-nghe bốn cõi đan hồ. Mở tiệc quân, chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng-sĩ một lòng phụ tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi; quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:

Dem đại nghĩa để thắng hung-tàn, lấy chí nhân mà thay cường-bạo. Trần Bò-đăng sấm vang sét dậy, [miền Trà-lân](#) trúc phá tro bay. Sĩ-khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan; Phương Chính, [Lý An](#) tìm đường trốn-tránh. Đánh [Tây-kinh](#) phá tan thế giặc, lấy [Đông-đô](#) thu lại cõi xưa. Dưới [Ninh-kiều](#) máu chảy thành sông; bến [Tuy-đông](#) xác đầy ngoài nội. [Trần Hiệp](#) đã thiệt mạng, Lý Lương lại phơi thây. [Vương thông](#) hết cấp lo lương, Mã Anh không đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao; ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tường nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui; ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội-nghiệt. Cây mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người; tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dơ-duốc. Đến nỗi đưa trẻ ranh như [Tuyên-đức](#)^[9], nhằm võ không thôi; lại sai đồ nhút-nhát như [Thanh](#), [Thăng](#), đem dầu chữa cháy. Năm đinh-mùi tháng chín, Liễu Thăng từ Khâu-ôn tiếng sang; lại năm nay tháng mười, Mộc Thạnh tự [Vân-nam](#) kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm để ngăn lối Bắc-quân; ta lại sai tướng chẹn ngang để tuyệt đường lương-đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lăng, hai mươi, Liễu Thăng chết ở Mã-yên. Hai-mươi-lăm, Lương Minh trận vong; hai-mươi-tám, Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lụi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành, hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ-tốt ra oai tì hổ, thần-thứ đủ mặt thảo nhạ. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kình-ngạc, đánh hai trận tan-tác chim-muông. Con gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang đê cũ. Thôi Tụ phải quì mà xin lỗi, Hoàng Phúc tự trói để ra hàng. Lạng-giang, Lạng-son thấy chất đầy đường, Xương-giang, Bình-than máu trôi đỏ nước. Góm-ghê thay! sắc phong-vân cũng đổi; thăm-đạm thay! sáng nhật-nguyệt phải mờ. Binh Vân-nam nghẽn ở Lê-hoa, sợ mà mất mặt; quân Mộc Thạnh tan chum Cần-trạm, chạy để thoát thân. Suối máu Lãn-câu, nước sông rền-rĩ; thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-đìa. Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn chạy; các thành cùng khầu, cởi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội; thế lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực. Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, ngỏ lòng thú-phục; ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghi-ngoi.

Thế mới là mưu-kế thật khôn, vả lại suốt xưa nay chưa có. Giang-san từ đây mở mặt, xã-tắc từ đây vững nền. Nhật-nguyệt hồi mà lại minh, càn-khôn bĩ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chẵn-chẵn, then nghìn thu rửa sạch lâu-lầu. Thế là nhờ trời đất tổ-tông khôn-thiênng che-chở, giúp-đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!

Vẫy-vùng một mảng nhung-y nên công đại-định, phảng-lặng bốn bề thái-vũ mở hội vĩnh-thanh.
Bá-cáo xa gần, ngỏ cùng nghe biết.

Chú thích

1. ▲ Minh-trung: chứng-cớ rõ-ràng
2. ▲ Tứ-ngược: Hết sức tàn ngược
3. ▲ Khoa-liễm: Thuế-má
4. ▲ Quan: Người không vợ; quả: người góa chồng; diên-liên: những kẻ không có nhà ở, không trông-cậy vào đâu được.
5. ▲ Dục đông: Ý nói muốn về [Đông-đô](#)
6. ▲ Hư tả: Cỗ xe không bên trái để đợi người hiền
7. ▲ Vọng dương: Trông ra biển không thấy gì
8. ▲ Chứng-nịch: Vớt người chết đuối
9. ▲ Vua Tuyên-tông nhà Minh, niên-hiệu Tuyên-đức.